

THAM LUẬN TẠI HỘI NGHỊ

**tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về phát triển khoa học và công
nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị
trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế**

ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀO CHÍNH QUYỀN SỐ VÀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH HÀ GIANG

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang

Tiến bộ khoa học và công nghệ đã tạo nên sự thay đổi cơ bản trong đời sống, trong sản xuất cũng như trong tư duy và tập quán của mọi người. Sự gắn bó mật thiết giữa nghiên cứu khoa học với ứng dụng vào sản xuất, sáng tạo ra công nghệ trở thành yếu tố quan trọng đối với sự phát triển của các nước trên thế giới. Ở nước ta, trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã xác định: xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, xã hội số và nền kinh tế số là một trong những ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn 2016-2020 để tạo ra những nền móng vững chắc cho việc chuyển đổi số toàn diện trong giai đoạn 2021-2030.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (Nghị quyết số 20); Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 17/4/2013 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh, khóa XV về thực hiện Nghị quyết số 20 (Chương trình số 64); Kế hoạch số 97/KH-UBND, ngày 6/6/2014 triển khai Chương trình số 64 của BCH Đảng bộ tỉnh.

Với sự vào cuộc quyết tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và sự tham gia của doanh nghiệp, người dân... hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống tỉnh Hà Giang đã được đẩy mạnh trên tất cả các lĩnh vực đời sống, kinh tế xã hội. Đặc biệt, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào chính quyền số gắn với cải cách hành chính đã được triển khai quyết liệt, tạo được bước đột phá vượt bậc trong khâu ứng dụng các giải pháp mới, đồng bộ vào hoạt động của các cơ quan nhà nước góp phần thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao chất lượng hoạt động công vụ, tiết kiệm được thời gian và chi phí trong hoạt động quản lý, giám sát và điều hành cơ quan, cải thiện chỉ tiêu xếp hạng của tỉnh Hà Giang, cụ thể: Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2016 có bước tăng vượt bậc (32 bậc), năm 2017 tăng 35 bậc, năm 2020 được xếp ở mức khá 33/63 tỉnh, thành phố và đến năm 2021 xếp thứ 28/63 tỉnh thành tăng 32 bậc so với năm 2012; Chỉ số hài lòng (SIPAS) năm 2019 tăng 28 bậc so với năm 2018 (xếp thứ 35/63 tỉnh, thành phố), năm 2020 tăng 38 bậc so với năm 2018 (xếp thứ 25/63 tỉnh, thành phố) và năm 2021 xếp thứ 18/63 tỉnh, thành phố, tăng 45

bậc so với năm 2018; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2021 xếp thứ 24/63 tỉnh, TP, tăng 19 bậc so với năm 2012.

Kính thưa Hội nghị

Để cải thiện được các chỉ số nêu trên, hàng năm UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt từ khâu lập kế hoạch, bố trí nguồn lực cho đến khâu tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ ở các cấp, các ngành. Trong đó ưu tiên tập trung cho việc đầu tư xây dựng hạ tầng số và ứng dụng các giải pháp, phần mềm trong quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công... Cụ thể:

Về hạ tầng số cơ bản đáp ứng yêu cầu của chính quyền số: đã hoàn thành mạng truyền số liệu dùng trong cơ quan Đảng, Nhà nước; hoàn thành đầu tư Trục chia sẻ tích hợp dữ liệu (LGSP) của tỉnh và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để tra cứu, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; lắp đặt hoàn chỉnh hạ tầng máy móc, trang thiết bị Trung tâm điều hành đô thị thông minh kết nối hội nghị trực tuyến và các dịch vụ giám sát, điều hành đô thị thông minh; Tỷ lệ phủ sóng điện thoại di động và Internet băng thông rộng đạt trên 98%; Hệ thống hội nghị giao ban trực tuyến tỉnh Hà Giang được triển khai với 04 điểm cầu cấp tỉnh; tại mỗi huyện, thành phố có 03 điểm cầu gồm phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND - UBND cấp huyện, phòng Tài chính - Kế hoạch; 100% các xã đã được triển khai. Đảm bảo 100% các cơ quan hành chính có thể tham gia các cuộc họp trực tuyến quy mô 4 cấp Trung ương, tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh.

Về ứng dụng các giải pháp, phần mềm phục vụ công tác quản lý điều hành, cung cấp dịch vụ công phục vụ công tác cải cách hành chính: đã triển khai hoàn thành các CSDL chuyên ngành: Cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Hà Giang; Hệ thống quản lý lao động - Việc làm; Cơ sở dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn; xây dựng cơ sở dữ liệu xác thực người dùng; Cơ sở dữ liệu về y tế, văn hóa, giáo dục, giao thông, nông nghiệp, khoa học công nghệ đã cơ bản được chuyển đổi số; Đã hoàn thành việc Ứng dụng Văn phòng điện tử tích hợp chữ ký số vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Từ mục tiêu đến năm 2020 hoàn thành cung cấp dịch vụ công cấp độ 3, đến nay, Tỉnh đã hoàn thành cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện lên mức độ 4; Hoàn thành kết nối Cổng dịch vụ trực tuyến của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc qua Nền tảng chia sẻ dữ liệu của tỉnh.

Trên đây là những kết quả hết sức tích cực trong việc tổ chức thực hiện mục tiêu xây dựng chính quyền số và CCHC của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào xây dựng Chính quyền số và cải cách hành chính còn gặp những khó khăn, hạn chế nhất định, như: Công nghệ số chưa được ứng dụng sâu, rộng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội; Cơ sở dữ liệu chuyên ngành cấp tỉnh còn thiếu sự gắn kết; nhiều quy trình nghiệp vụ chuyên môn của các cơ quan, đơn vị chưa có các nền tảng số để nâng cao hiệu quả hoạt động; Tỷ lệ

người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng công nghệ số vào hoạt động sản xuất, kinh doanh còn thấp...

Kính thưa Hội nghị!

Để phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại hạn chế, trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ tiếp tục bàn các giải pháp cụ thể hoá Quyết định số 569/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; tiếp tục chỉ đạo triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 11/8/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về CCHC, Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 29/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Trong đó tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và cải cách hành chính; đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực; từng bước đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và đảm bảo an toàn an ninh thông tin. Xây dựng phát triển nền tảng số của tỉnh phục vụ chuyển đổi số như: Nền tảng điện toán đám mây, tích hợp dữ liệu, dữ liệu mở, phân tích dữ liệu, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), định danh và xác định điện tử, thương mại điện tử... nghiên cứu, đề xuất xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025.

KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP TRONG ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP – NÔNG THÔN

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Hà Giang là tỉnh nông nghiệp với trên 86% dân số sinh sống ở khu vực nông thôn. Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh, của trung ương, ngành nông nghiệp đã có chuyển biến tích cực. Tốc độ tăng tổng sản phẩm nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2010 – 2020 bình quân đạt 4,92%, chiếm 31,68% cơ cấu kinh tế (GRDP) của tỉnh năm 2020, là trụ đỡ cho nền kinh tế và là nơi tránh trú cho lao động các khu công nghiệp trở về khu vực nông thôn trong đại dịch Covid 19.

Nhìn lại 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ giúp chúng ta nhận diện rõ hơn về vai trò của Khoa học và công nghệ đóng góp vào sự phát triển của ngành nông nghiệp.

Trên lĩnh vực nông nghiệp trong những năm qua đã khảo nghiệm, tuyển chọn được một số bộ giống cho năng suất cao, chất lượng tốt, thích ứng với điều kiện của tỉnh được ngành khuyến cáo, hướng dẫn người dân đưa vào sản xuất như giống lúa (ĐS1, JO2, Japonica); đối với cây ngô đã sử dụng các giống thế hệ mới như (NK4300, NK66, NK6101, NK7328...); đối với cây rau, đậu triển khai canh tác trong nhà lưới, nhà màng. Đối với cây trồng chủ lực như: Cam sành – tham mưu nghị quyết chuyên đề của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về ứng dụng KHKT để cải tạo cây cam sành; chè shan tuyệt được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ đảm bảo an toàn thực phẩm; cây ăn quả ôn đới (Lê, Mận, Đào); cây ăn quả có múi (cam sành, quýt) có vườn cây đầu dòng để sản xuất giống tốt; làm chủ được quy trình nuôi cấy mô Invitro đối với chuối, khoai tây và một số giống dược liệu...., Một số mô hình điển hình ứng dụng KHKT áp dụng vào sản xuất thành công được triển khai nhân rộng như Mô hình mạ khay, máy cấy tại huyện Quang Bình, Bắc Quang gắn với đồn điền đổi thửa. Mô hình CSA sử dụng công nghệ tưới nhỏ giọt trên cây cam sành tại xã Yên Hà – huyện Quang Bình; Mô hình cải tạo vườn cam sành già cỗi...., Đây là một bước tiến trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất tại tỉnh, giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, thay đổi tư duy sản xuất, từng bước hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo sự liên kết trong sản xuất, bảo vệ môi trường. Kết quả ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp đã đảm bảo được an ninh lương thực, thực phẩm trên địa bàn tỉnh, nâng cao giá trị canh tác trên một đơn vị héc ta đất canh tác, minh chứng qua các chỉ số năm 2021: (1) Bình quân lương thực đạt 476 kg/người, tăng 28 kg/người so với năm 2010; giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân/ha đất trồng trọt đạt 56,73 triệu đồng, tăng 2,5 lần so với năm 2010. Lĩnh vực chăn nuôi đã làm chủ được quy trình sản xuất được tinh đông lạnh, tinh cọng rạ, thực

hiện thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu, bò để cải thiện tầm vóc tổng đàn, từng bước chăn nuôi theo tiêu chuẩn thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP), an toàn sinh học theo hướng hàng hóa đã nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Lĩnh vực lâm nghiệp đã triển khai thực hiện chương trình đưa giống tốt vào sản xuất thông qua việc bảo tồn các vườn giống lâm nghiệp, nhập mới đôi với hạt giống keo úc, sản xuất giống đưa vào trồng để nâng cao sinh khối rừng, chất lượng rừng sản xuất. Ứng dụng khoa học công nghệ trong việc theo dõi diễn biến rừng, cảnh báo phòng cháy chữa rừng... Thực hiện cấp chứng chỉ rừng bền vững FSC đối với rừng sản xuất được 9.162 ha tại huyện Bắc Quang, Vị Xuyên để truy suất nguồn gốc gỗ phục vụ cho xuất khẩu. Lĩnh vực Thủy sản đã làm chủ được quy trình kỹ thuật sinh sản nhân tạo các loài cá quý hiếm của địa phương (cá Bống, My, Rằm xanh, Anh vũ, Chày đất) và chuyển giao kỹ thuật cho người dân của huyện Bắc Mê, Quang Bình, Bắc Quang tự sản xuất giống cá Bống cung ứng cho người dân trong tỉnh.

Kính thưa Hội nghị !

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn trên địa bàn tỉnh, thời gian qua còn bộc lộ những khó khăn, hạn chế đó là: (1) Khả năng tiếp cận, ứng dụng khoa học và công nghệ của người dân còn hạn chế khi không có sự hỗ trợ của nhà nước. (2) Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật mới dừng lại ở khâu sản xuất, ứng dụng đưa công nghệ tiên tiến, hiện đại vào khâu bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp còn rất hạn chế. (3) Cán bộ làm khoa học và chuyển giao tiên bộ khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp còn thiếu và yếu. (4) Trên địa bàn tỉnh chưa có khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được quy hoạch, đầu tư. (5) Chưa thu hút được các doanh nghiệp khoa học và công nghệ thành lập và đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. (6) Thiếu thông tin về thị trường khoa học và công nghệ (các thành tựu, công nghệ mới). (7) Một số đề tài, dự án khoa học do các đơn vị của Trung ương, các trường đại học, các đơn vị của địa phương làm chủ nhiệm sau khi được nghiệm thu, bàn giao sản phẩm khả năng triển khai nhân rộng còn hạn chế. (8) Các trung tâm khoa học và công nghệ của tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ. (9) Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong việc quản lý vùng nguyên liệu, truy suất nguồn gốc, giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm còn mới ở bước đầu.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế là: Điều kiện địa hình độ dốc lớn, phân chia nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau. Mặt khác là tỉnh có nhiều dân tộc và phải chịu ảnh hưởng, tác động nhiều về điều kiện tự nhiên; tập quán canh tác cũ mang tính tự cung, tự cấp; sản xuất nhỏ lẻ gây cản trở lớn cho việc ứng dụng TBKT vào sản xuất còn hạn chế. Hệ thống cán bộ kỹ thuật của ngành nông nghiệp bị đứt gãy (hệ thống khuyến nông thôn bản). Chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản, chế biến. Đề tài, dự án khoa học và công nghệ mới xuất phát từ đơn vị nghiên cứu, chưa xuất phát từ thực

tiền nên khó ứng dụng, tiếp cận. Chưa quy hoạch được vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Hạ tầng công nghệ số chưa được đầu tư hoàn thiện. Khả năng, tâm lý của người dân, tổ chức, cá nhân tiếp cận, đầu tư vào nông nghiệp có tính chất ứng dụng công nghệ cao còn hạn chế.

Kính thưa Hội nghị !

Theo khảo sát của Sở Nông nghiệp và PTNT, trong thời gian tới Ngành nông nghiệp đang phải đối mặt với 02 vấn đề bất cập lớn hiện nay đó là: “Biến đổi khí hậu đã và đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến ngành nông nghiệp tỉnh Hà Giang – Sự linh hoạt năng động của kinh tế thị trường mở với xu thế tiêu dùng ngon sạch của người tiêu dùng“ đòi hỏi sản xuất nông nghiệp phải thay đổi tư duy để thích ứng. Giải pháp tối ưu cho giai đoạn tới là phải đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào nông nghiệp – nông thôn, có nghĩa là phải đưa được hàm lượng khoa học và công nghệ cấu thành vào trong giá trị của sản phẩm. Tôi xin đề xuất một số giải pháp để phát triển nông nghiệp xanh, sạch, thông minh, công nghệ số như sau:

Thứ nhất, phải chủ động, tích cực phối hợp với các vụ, viện, các trường đại học của Trung ương, các địa phương bảo tồn, phục tráng các nguồn gen quý, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ sinh học vào các khâu sản xuất giống để cung ứng các giống tốt, chất lượng cao cho các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh; nhằm phát triển sản phẩm, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, mẫu mã đẹp, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Áp dụng tiêu chuẩn an toàn (VietGAP, hữu cơ và các tiêu chuẩn xuất khẩu khác); gắn tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp và tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng công nghệ số, sàn giao dịch điện tử, nhất là các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng đã được xác định trong nghị quyết 17 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang.

Thứ hai, tạo điều kiện thúc đẩy doanh nghiệp khoa học đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh, chế biến công nghệ cao. Đẩy mạnh các mô hình nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao KH-CN theo chuỗi giá trị; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp và giữ vai trò trọng tâm giải quyết khâu vốn, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, người nông dân là chủ thể của sản xuất gắn kết với doanh nghiệp, đảm bảo kết nối quá trình sản xuất với thị trường tiêu.

Thứ ba, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn như: Hoàn thiện và xây dựng cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, quản lý chất lượng nông lâm thủy sản, thủy lợi và quy trình sản xuất. Ứng dụng công nghệ tiên tiến và phân tích dữ liệu lớn trong công tác quản lý, giám sát, dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch trong nông nghiệp. Từng bước phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp

công nghệ số trong nền kinh tế. Ưu tiên các đề tài ứng dụng, dự án liên quan đến chế biến nông sản, thực phẩm chủ lực của tỉnh; chú trọng các công nghệ, thiết bị chế biến sâu, nhằm đa dạng hóa sản phẩm từ lương thực, rau quả và các chế phẩm, phụ phẩm sau thu hoạch, nâng cao giá trị gia tăng cho sản xuất nông nghiệp.

Thứ tư, tổ chức sắp xếp lại các đơn vị khoa học của tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất đồng bộ cho các Trung tâm Khoa học của ngành nông nghiệp và PTNT thực sự là trung tâm nghiên cứu và chuyên gia, điểm trình diễn về khoa học và công nghệ cho người dân đến thăm quan, học tập. Bố trí cho cán bộ của ngành nông nghiệp đi bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu về công nghệ sinh học, công nghệ mới hoặc tham gia thực hành tại các trường đại học, vụ viện hoặc đào tạo tại nước ngoài để nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ để có khả năng tiếp cận với khoa học kỹ thuật và công nghệ mới. Đổi mới về phương thức đào tạo, tập huấn, huấn luyện cho người dân bằng phương pháp thực hành trên đồng ruộng (FFS), đào tạo thông qua mô hình IPM, các mô hình trình diễn... để người dân nắm vững kiến thức cả kỹ thuật và khả năng thực hành trên đồng ruộng.

Thứ năm, bố trí nguồn lực để đầu tư quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại xã Quyết Tiến huyện Quán Bạ. Có cơ chế để hỗ trợ tổ chức, cá nhân, người dân ứng dụng khoa học và công nghệ mới vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG THANH NIÊN PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

Tỉnh Đoàn Hà Giang

Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang là vấn đề được tuổi trẻ cả nước nói chung, tỉnh ta nói riêng đặc biệt quan tâm. Việc phát động phong trào, cổ vũ, động viên thanh niên khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo có ý nghĩa hết sức to lớn đối với quá trình CNH-HĐH đất nước và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Những năm qua, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, cùng sự đồng hành, hỗ trợ của các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, phong trào khởi nghiệp nói chung và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nói riêng của đoàn viên, thanh niên (ĐVTN) trong tỉnh đã đạt được những dấu ấn quan trọng. Tỉnh đoàn, Hội LHTN tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành tổ chức triển khai các chương trình, các hoạt động để hỗ trợ ĐVTN khởi nghiệp, lập nghiệp như: Tổ chức các diễn đàn đối thoại giữa Thường trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh với ĐVTN khởi nghiệp, lập nghiệp; tổ chức Chương trình cà phê khởi nghiệp theo từng lĩnh vực; tổ chức các diễn đàn, các buổi tọa đàm truyền cảm hứng về khởi nghiệp; tổ chức các cuộc thi ý tưởng thanh niên khởi nghiệp; phối hợp tham mưu thành lập “Vườn ươm khởi nghiệp” tỉnh Hà Giang... Thông qua các hoạt động tuyên truyền, định hướng khởi nghiệp, tìm kiếm, phát triển và hỗ trợ các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, tổ chức Đoàn, Hội LHTN các cấp đã có nhiều hình thức để hỗ trợ ĐVTN khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo ngay tại mảnh đất quê hương. Bên cạnh đó, tổ chức Đoàn, Hội LHTN luôn quan tâm tuyên truyền, phổ biến nhân rộng các mô hình thanh niên khởi nghiệp thành công, thanh niên làm kinh tế giỏi để tạo sự lan tỏa, hun đúc tinh thần khởi nghiệp, tính sáng tạo trong ĐVTN.

Nhận thức được vấn đề khởi nghiệp, lập nghiệp, giới thiệu việc làm tạo thu nhập đối với ĐVTN có vai trò hết sức quan trọng đối với công tác Đoàn và phong trào thanh niên hiện nay, các cấp bộ Đoàn, Hội LHTN đã quan tâm hỗ trợ ĐVTN khởi nghiệp trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó trọng tâm là phát huy thế mạnh nông nghiệp và các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, các sản phẩm OCOP; các mô hình khởi nghiệp trên lĩnh vực du lịch gắn với quảng bá, giới thiệu các nét văn hoá độc đáo, bản sắc của tỉnh... Nỗ lực đẩy mạnh triển khai công tác hỗ trợ thanh niên vay vốn phát triển kinh tế thông qua các nguồn vốn của Trung ương Đoàn, của tỉnh và Chương trình ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; thông qua các nguồn vốn đã hỗ trợ đặc lực cho ĐVTN khởi nghiệp sáng tạo, phát triển kinh tế gia đình, tạo việc làm, thu nhập cho bản thân, gia đình và nhiều người khác.

Bằng nhiều giải pháp và đặc biệt sự nỗ lực không ngừng với tinh thần xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ, trên địa bàn tỉnh hiện có trên 200 doanh nghiệp trẻ, hợp tác xã, tổ hợp tác xã, các mô hình khởi nghiệp do thanh niên làm chủ; đã có một số mô

hình thanh niên khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bước đầu thành công. Tiêu biểu như mô hình “Vườn dưa 4.0” của đoàn viên Nguyễn Xuân Tiến, Giám đốc HTX Thanh niên Phương Tiến (Vị Xuyên); mô hình phát triển du lịch bền vững “Chai” “to” của đoàn viên Sùng Mí Phìn (Đồng Văn); dự án chế biến sản phẩm từ Cam sành Hà Giang của Công ty cổ phần Camta (Bắc Quang); thương hiệu Hao Tea và công ty TNHH GB của khởi nghiệp viên Hoàng Thị Hảo (TP. Hà Giang); sản phẩm OCOP “Phong Vân trà” do HTX Thanh niên sản xuất và thương mại nông nghiệp Việt Lâm,... Đặc biệt, trong cuộc thi “Dự án khởi nghiệp thanh niên nông thôn” năm 2018 và 2020, thanh niên tỉnh Hà Giang đã được vinh danh trên bản đồ khởi nghiệp quốc gia với 1 giải Nhất năm 2018 dành cho Dự án “Năng lượng sạch trồng rau hữu cơ gắn với phát triển du lịch có trách nhiệm” của khởi nghiệp viên Hoàng Thị Hảo (TP. Hà Giang); 1 giải Nhì năm 2020 dành cho Dự án “Phát triển du lịch bền vững “Chai” “to”” của đoàn viên Sùng Mí Phìn (Đồng Văn).

Kính thưa các vị đại biểu!

Từ những kết quả trên, có thể khẳng định rằng, Tỉnh đoàn, Hội LHTN tỉnh Hà Giang đã phát huy vai trò dẫn dắt, là cầu nối, là "người bạn đồng hành" với thanh niên trong khởi nghiệp, lập nghiệp và đổi mới sáng tạo, cũng như thực hiện có hiệu quả chương trình đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp. ĐVTN tỉnh Hà Giang đã xung kích, sáng tạo tham gia mạnh mẽ các phong trào, các chương trình khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, góp phần vào *quá trình CNH-HĐH đất nước và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang*.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong quá trình triển khai các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, các cấp bộ Đoàn, Hội và ĐVTN tỉnh Hà Giang cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc như: Chưa có chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, khởi nghiệp riêng cho thanh niên; nguồn vốn vay để triển khai các ý tưởng, dự án của Trung ương, của tỉnh còn hạn chế, chưa tiếp cận được nhiều các đối tượng ĐVTN có nhu cầu khởi nghiệp, lập nghiệp; việc kết nối giữa doanh nghiệp thành đạt với các ý tưởng khởi nghiệp, lập nghiệp của thanh niên còn chưa phát huy hiệu quả; các bạn ĐVTN còn yếu về kỹ năng và thiếu về kiến thức khởi nghiệp, lập nghiệp.

Từ thực tiễn và những khó khăn, vướng mắc nêu trên, trong thời gian tới để tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong ĐVTN, thu hút đông đảo ĐVTN tham gia khởi nghiệp, lập nghiệp, vươn lên làm giàu chính đáng trên mảnh đất quê hương Hà Giang. Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Hà Giang đề xuất và đưa ra một số giải pháp cụ thể như sau:

Một là, Đề xuất với Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; cấp ủy, chính quyền các địa phương tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện cho ĐVTN khởi nghiệp, lập nghiệp; định kỳ tổ chức các diễn đàn khởi nghiệp và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo để vừa nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, vừa định hướng cho ĐVTN; có cơ chế, chính sách riêng hỗ trợ

ĐVTN khởi nghiệp, lập nghiệp; định hướng, tháo gỡ những khó khăn cho ĐVTN trong quá trình khởi nghiệp, lập nghiệp, đặc biệt là những khó khăn về cơ chế chính sách và hỗ trợ vốn cho thanh niên; quan tâm thành lập “Quỹ đầu tư khởi nghiệp thanh niên” do Đoàn thanh niên cấp tỉnh quản lý.

Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động “Vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp” tỉnh Hà Giang, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn các Huyện, Thành phố để tạo điều kiện cho các khởi nghiệp viên có không gian làm việc, được giao lưu, trao đổi kinh nghiệm để hiện thực hoá thành công các ý tưởng của bản thân.

Hai là, Các cấp bộ Đoàn, Hội chủ động và phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, đoàn thể như: phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức các cuộc thi, hội thảo về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; kịp thời nắm bắt, cập nhật các chế độ, chính sách trong hỗ trợ khởi nghiệp, lập nghiệp, tìm kiếm các ý tưởng, dự án khởi nghiệp có tính khả thi để hỗ trợ thực hiện, triển khai; phối hợp với Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong định hướng về trồng trọt, chăn nuôi, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong định hướng về phát triển du lịch gắn với bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống các dân tộc trên địa bàn tỉnh; tăng cường phối hợp với Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Hội Nông dân, Ngân hàng chính sách xã hội; UBND các huyện, thành phố để triển khai đa dạng các biện pháp hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

Ba là, đẩy mạnh truyền thông về khởi nghiệp, lập nghiệp đặc biệt là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Trong đó chú trọng tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò, vị trí của ĐVTN đối với sự phát triển kinh tế. Chú trọng xây dựng tài liệu cho giảng viên tuyến tỉnh, huyện (các kỹ năng giảng dạy, truyền thông, vận động, hỗ trợ); tài liệu hướng dẫn cho cán bộ, tuyên truyền viên nòng cốt tuyến cơ sở. Phát huy có hiệu quả chuyên mục khởi nghiệp, lập nghiệp, sáng tạo trên trang thông tin điện tử, trang mạng xã hội của Đoàn, Hội các, Báo Hà Giang, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh, trên hệ thống đài truyền thanh tại địa phương.

Bốn là, tổ chức Đoàn phải là cầu nối đưa ĐVTN đến với các doanh nghiệp khởi nghiệp khoa học, công nghệ; xây dựng, phát triển các dự án sáng tạo khởi nghiệp. Kết nối, gỡ gỡ, chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp, đóng góp ý tưởng, sáng kiến cho sự phát triển đất nước nói chung và địa phương nói riêng thông qua các diễn đàn giữa ĐVTN của tỉnh với ĐVTN trong cả nước...

Kính thưa các vị đại biểu!

Với tinh thần tiên phong, bản lĩnh, sáng tạo và phát triển. Tỉnh đoàn, Hội LHTN tỉnh Hà Giang tin tưởng rằng trong thời gian tới, với sự quan tâm, tạo điều kiện của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể; cấp uỷ, chính quyền

các địa phương đổi thế hệ trẻ; phong trào khởi nghiệp, lập nghiệp của tuổi trẻ Hà Giang sẽ tiếp tục được triển khai mạnh mẽ và gặt hái được nhiều thành công hơn nữa, góp phần vào thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và *quá trình CNH-HĐH của đất nước*.

KẾT QUẢ ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU BÔNG SEN VÀNG

Công ty cổ phần Dược liệu Bông Sen Vàng

I. Giới thiệu Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng

Công ty cổ phần Dược liệu Bông Sen Vàng (tên giao dịch quốc tế GOLDEN LOTUS HERBALS JSC) thành lập từ năm 2017 theo kêu gọi đầu tư của UBND tỉnh Hà Giang và Chính Phủ. Doanh nghiệp đã được nhận giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Giang cấp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần mã số 5100449616, đăng ký lần đầu ngày 05/06/2017.

Công ty đã hoàn thành xây dựng Nhà máy sản xuất Thuốc từ Dược liệu đạt tiêu chuẩn GMP-WHO, GSP-WHO, GLP-WHO tại tỉnh Hà Giang. Dự án đi vào hoạt động từ tháng 09 năm 2020, gồm các dây chuyền sản xuất thuốc viên, thuốc nước, vị thuốc YHCT, trà dược, và các sản phẩm khác có nguồn gốc dược liệu. Hiện tại, cung cấp cho thị trường 05 thuốc; 42 sản phẩm Trà dược, trong đó có 10 sản phẩm đạt OCOP; và các loại sản phẩm khác như gói, hương, viên xông.

Tầm nhìn và sứ mệnh:

Với phương châm “Lĩnh hội tinh hoa - Dựng xây giá trị” kế thừa và ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến, tiên phong phát triển hệ thống ngành nghề chăm sóc sức khỏe con người thông qua việc khai thác các giá trị tiềm năng từ Y dược cổ truyền, từ thuốc Nam, từ Y học bản địa và các nguồn lực thể mạnh trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc phù hợp với chủ trương định hướng của Nhà nước.

Khai thác thể mạnh vùng, liên kết trồng cây thuốc (Nông Dược) trên cơ sở cùng phân chia lợi ích đảm bảo hợp tác bền vững và thân thiện với môi trường, gia tăng giá trị cho chuỗi liên kết. Chủ động cung cấp nguyên liệu cho nhà máy dược phẩm Bông Sen vàng, cung cấp dược liệu cho thị trường trong nước và xuất khẩu, góp phần giữ vững an ninh về thuốc và an sinh xã hội.

Chiến lược phát triển:

- Trở thành công ty tiên phong trong lĩnh vực phát triển ngành nghề Đông dược, Nam dược dựa trên việc ứng dụng, khai thác giá trị y học cổ truyền vào chăm sóc sức khỏe bằng các sản phẩm có nguồn gốc Dược liệu như: trà dược, thuốc đông dược, nam dược. các món ăn, gói dược liệu, cao xoa bóp, sản phẩm hóa mỹ phẩm...

- Phát triển những loại hình du lịch mới khai thác giá trị, kiến thức bản địa phù hợp với xu thế như du lịch chăm sóc sức khỏe như Du lịch dược liệu dưỡng sinh, trong đó có hoạt động trải nghiệm ở các vườn cây thuốc đặc trưng, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ dược liệu dựa trên kiến thức của Y học cổ truyền, ẩm thực dược liệu...

II. Kết quả ứng dụng khoa học và công nghệ trong công ty

Ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến là giải pháp hàng đầu nhằm nâng cao năng suất, giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Doanh nghiệp. Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực trồng trọt, chế biến và thương mại các sản phẩm từ dược liệu tại tỉnh Hà Giang đã xác định giải pháp ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến là giải pháp ưu tiên hàng đầu để thực hiện chiến lược phát triển bền vững của công ty.

Công ty đã xác định chiến lược phát triển kinh doanh sản phẩm dược liệu tiếp cận theo chuỗi: Bảo tồn -> Trồng trọt -> Chế biến -> Thương mại các sản phẩm -> Phát triển thương hiệu bền vững mang nguồn gốc Hà Giang. Lĩnh hội tinh hoa và Nghiên cứu để ứng dụng Khoa học kỹ thuật và Công nghệ vào tất cả các công đoạn trong sản xuất và kinh doanh.

Kết quả bước đầu đã đạt được nhờ ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến tại công ty như sau:

1. Xây dựng hai vườn bảo tồn các nguồn gen cây thuốc.

Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng là một trong rất ít Doanh nghiệp tư nhân thực hiện nhiệm vụ Bảo tồn các nguồn gen cây thuốc quý hiếm, có giá trị. Công ty đang xây dựng hai vườn bảo tồn cây thuốc, trong đó một vườn bảo tồn cây thuốc vùng cao tại thị trấn Đồng Văn và một vườn bảo tồn cây thuốc vùng thấp tại huyện Bắc Quang. Tổng số loài bảo tồn: 127 loài, trong đó: Cây thuốc quý hiếm: 40 loài; Cây thuốc nhập nội: 26 loài; Cây thuốc trồng bản địa: 61 loài. Giá trị khoa học của bảo tồn các nguồn gen cây thuốc quý hiếm, có giá trị là rất lớn để giúp cho Doanh nghiệp lưu giữ và khai thác lâu dài các nguồn gen cây thuốc có giá trị phục vụ chăm sóc sức khỏe cộng đồng và kết hợp phát triển dược liệu dưỡng sinh trong tương lai.

2. Phát triển vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP-WHO

Liên kết phát triển vùng dược liệu an toàn theo tiêu chuẩn GACP-WHO là định hướng chiến lược phát triển dược liệu phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Kết quả như sau:

- Xây dựng vườn ươm cây thuốc với 5 loài cây thuốc có giống gốc do Trung tâm trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội chuyển giao.
- Tự trồng và liên kết trồng được 35 ha cây thuốc tại các huyện Đồng Văn, Bắc Mê, Bắc Quang, Quang Bình gồm các loài: Quế, Nhân trần, Kim ngân hoa, Xạ đen, Thảo quyết minh, Đinh lăng, Hà thủ ô đỏ, Đảng sâm, Ý dĩ.
- Liên kết phát triển vùng trồng lá khôi nhung tại huyện Bắc Quang: 20 ha

Kết quả phân tích chất lượng các sản phẩm dược liệu do công ty trồng tại Hà Giang tại Viện Dược liệu, Bộ y tế đã đạt tiêu chuẩn quy định của dược điển Việt Nam V.

3. Chế biến các sản phẩm dược liệu theo công nghệ tiên tiến

Trung tâm nghiên cứu chế biến nông sản thực phẩm, Viện cơ điện Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đã chuyển giao công nghệ tiên tiến trong chế biến gồm:

- Quy trình công nghệ sơ chế, làm khô, bảo quản dược liệu
- Quy trình công nghệ sấy thăng hoa
- Quy trình công nghệ trích ly dùng sóng siêu âm và cô đặc chân không
- Quy trình công nghệ trích ly dùng sóng siêu âm và cô đặc chân không

Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trên, công ty đã sản xuất được các sản phẩm cụ thể sau:

- (1) Sản phẩm sấy thăng hoa: Tam thất, Hà thủ ô đỏ, Nhung hươu, Trà hoa vàng
- (2) Sản phẩm sấy khô: Đảng sâm, Thảo quyết minh, Đương quy, Ý dĩ, Kim ngân hoa, Xạ đen, Quế, Nhân trần
- (3) Sản phẩm sấy phun: Bột hòa tan hồng trà, Bột hòa tan Đinh Lăng, Bột hòa tan Nhân trần, Bột hòa tan xạ đen
- (4) Bốn hai (42) sản phẩm trà dược Bông Sen Vàng đã công bố
Các loại trà dược được kết hợp thành bốn (04) bộ trà, đó là:
+ Bộ trà giải độc, giảm béo: Trà Tiêu phì, Trà Tiêu thực, Trà Miễn dịch, Trà Thanh nhiệt;
+ Bộ trà hoa: Trà Hoa cúc, Trà Hoa Khiên ngưu, Trà Hoa Nhài, Trà Hoa Hồng;
+ Bộ trà thanh nhiệt, giải độc: Trà Tam giác mạch, Trà Vôi, Trà Nhân trần, Trà Thanh nhiệt;
+ Bộ trà khí: Trà xanh, Trà Tuyết giao, Trà đen quế, Trà đen gừng.
- (5) Năm (05) sản phẩm thuốc Đông dược, bao gồm: Lục Vị, Thập toàn đại bổ BSV, Bồ tử Bông Sen Vàng, Đại bổ khí huyết, Tam thất Bông Sen Vàng

4. Ứng dụng công nghệ chuyển đổi số trong quản lý doanh nghiệp

Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng là một trong doanh nghiệp tại Hà Giang đi tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để chuyển đổi số áp dụng trong quản lý doanh nghiệp. Công việc này hiện nay đang trong giai đoạn nhận chuyển giao công nghệ và hướng dẫn thực hành của đơn vị chuyển giao.

Lời kết

Những kết quả bước đầu do ứng dụng khoa học và công nghệ tiên tiến tại Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng là minh chứng cho vai trò cực kỳ quan trọng của khoa học công và công nghệ trong phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của nghị quyết 20/NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI).

Công ty cổ phần dược liệu Bông Sen Vàng trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tạo điều kiện của Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh Ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Các sở ban ngành trong tỉnh Hà Giang, đặc biệt là Sở Khoa học và Công nghệ Hà Giang đã tạo điều kiện giúp đỡ để công ty ứng dụng Khoa học và công nghệ tiên tiến trong các công đoạn từ bảo tồn, trồng trọt, chế biến và thương mại các sản phẩm dược liệu.

Công ty kính mong sẽ tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, tạo điều kiện của Tỉnh Ủy, UBND tỉnh Hà Giang, Các sở ngành chuyên môn để ứng dụng Khoa học và công nghệ tiên tiến vào sản xuất và chế biến các sản phẩm thuốc Đông dược, Nam dược, sản phẩm dược liệu tốt có giá trị chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.

MÔ HÌNH LIÊN KẾT THÚC ĐẨY KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀO SẢN XUẤT VÀ ĐỜI SỐNG

Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển Nông lâm nghiệp và Môi trường Việt Nam

Kính thưa toàn thể hội nghị!

Chi nhánh Công ty cổ phần Phát triển Nông lâm nghiệp và Môi trường Việt Nam thành lập ngày 13/02/2017 và được sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Công ty. Là một doanh nghiệp khoa học hoạt động trong các lĩnh vực: Nghiên cứu, tư vấn, sản xuất và thương mại hóa sản phẩm nông lâm nghiệp

Tính đến tháng 08 năm 2021, tổng số nhân sự làm việc cho Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm nghiệp và Môi trường Việt Nam là 61 người, trong đó có 25 Phó Giáo sư, tiến sĩ và thạc sĩ về lĩnh vực Lâm nghiệp, Nông nghiệp và môi trường, công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm, Di truyền và chọn giống cây trồng, công nghệ thông tin; 36 kỹ sư, cử nhân có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc các lĩnh vực nông lâm nghiệp, môi trường, công nghệ thông tin, kinh tế, hành chính, địa chính.

Ngoài ra, Chi nhánh hợp tác với 20 nhà khoa học trong các lĩnh vực khác nhau, làm việc bán thời gian để tạo nên một đội ngũ chuyên gia tư vấn giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực Lâm nghiệp, Trồng trọt, Công nghệ sinh học và Khoa học môi trường, phát triển nông thôn, chế biến sản phẩm... luôn đáp ứng đầy đủ nhân lực cho các hoạt động sản xuất, tiếp nhận khoa học công nghệ tiên bộ. Đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ và năng động, nhiệt huyết trong công việc.

Cơ sở vật chất của CN Công ty bao gồm toàn bộ tài sản, trang thiết bị, vật tư, máy móc thuộc Chi nhánh Hà Giang.

Công ty đã đầu tư 30 tỷ đồng để mua máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng phục vụ cho nghiên cứu về bảo tồn và ứng dụng trong nhân giống các loài cây gỗ và cây dược liệu, gồm:

- + Khu văn phòng kiên cố và bán kiên cố: 1.200 m²
- + Khu nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo: 2.000m²
- + Khu nuôi cấy mô tế bào: 3000 m²
- + Khu nhà sản xuất rau thủy canh: 500m²
- + Khu vườn ươm, nhà bảo tồn các loài Lan và nhà lưới Công nghệ cao sản xuất cây giống: 20.000 m²
- + Khu chế biến và đóng gói: 150 m²

Trên cơ sở tiếp nhận tiến bộ Khoa học công nghệ được chuyển giao từ Viện nghiên cứu và Phát triển Lâm nghiệp, Công ty đã phối hợp với các Sở ngành, huyện trên địa bàn tỉnh Hà Giang triển khai chuyển giao các chương trình dự án khoa học công nghệ, Chương trình Nông thôn miền núi cho các huyện và người dân trên địa bàn, cụ thể như sau:

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thực hiện dự án: Ứng dụng Khoa học và Công nghệ trong nhân giống, trồng rừng thâm canh Keo lai (BV10, BV16, BV32) cung cấp nguyên liệu gỗ lớn tại tỉnh Hà Giang. Dự án đã thành công trong việc sản xuất được các loại keo lai (BV10, BV16, BV32) bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào và đã chứng minh được những ưu điểm vượt trội của giống keo lai so với những giống keo truyền thống về tốc độ sinh trưởng và sản lượng gỗ.

- Công ty đã xây dựng mô hình nuôi trồng rau thủy canh và đưa vào sản xuất rau sạch – rau an toàn đạt năng suất và chất lượng sản phẩm tốt. Các sản phẩm từ mô hình nuôi trồng được người tiêu dùng đánh giá cao và có tiềm năng lợi nhuận kinh tế lâu dài.

- Dự án: Ứng dụng Khoa học Công nghệ trong xây dựng chuồng trại và xử lý phân chất thải trong chăn nuôi trâu, bò quy mô hộ gia đình tại các huyện Đồng Văn, Mèo Vạc đã giúp cho CN công ty:

- + Tiếp nhận được quy trình xử lý xả thải trong chăn nuôi trâu, bò
- + Tiếp nhận được quy trình sản xuất phân bón vi sinh từ phân trâu, bò
- + Lập bản vẽ thiết kế chuồng trại chăn nuôi trâu, bò.
- + Thành lập được mô hình chuồng trại chăn nuôi bò tại hai huyện Đồng Văn, Mèo Vạc.

+ Sản xuất thành công 04 tấn phân bón vi sinh từ phân trâu, bò đạt tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7185:2002. Ngoài ra còn có 01 bài báo khoa học và 100 đĩa DVD tuyên truyền và mở các lớp đào tạo, tập huấn cho 20 kỹ thuật viên và 80 nông dân.

- Dự án: Ứng dụng KH&CN trong sản xuất nấm ĐHTH (*Cordyceps militaris*) trên giá thể gạo lứt và các ký chủ khác nhau tại tỉnh Hà Giang đã giúp cho CN Công ty:

+ Tiếp nhận và làm chủ được quy trình nuôi trồng nấm Đông trùng hạ thảo trên giá thể gạo lứt và các ký chủ theo hình thức bán tự nhiên

+ Tiếp nhận và làm chủ được quy trình Sơ chế và bảo quản nấm Đông trùng hạ thảo.

+ Xây dựng được mô hình sản xuất nấm ĐHTH trên giá thể gạo lứt theo quy mô ít nhất 10.000 bình/năm và trên ký chủ tầm sắn, tầm dâu, sâu chít trong điều kiện

bán tự nhiên với quy mô 10.000 con/năm đạt tiêu chuẩn VSATTP đem về thu nhập hàng tỷ đồng mỗi năm và tạo công ăn việc làm cho 10 lao động trên địa bàn huyện Vị Xuyên

+ Mở lớp đào tạo cho 10 kỹ thuật viên và tập huấn cho 20 hộ nông dân về kỹ thuật sản xuất nấm ĐHTH trong điều kiện nhân tạo và bán tự nhiên

- Đào tạo nguồn lực: Công ty đã tiến hành mở 04 lớp đào tạo cho các kỹ thuật viên và học viên. Trong đó, lớp đào tạo 20 học viên liên kết với huyện Xí Mần đã đào tạo được 9 học viên đủ tiêu chuẩn để cấp chứng chỉ. Hiện tại, có 02 học viên đã và đang theo đuổi ngành nghề được công ty đào tạo và liên kết với CN Công ty xây dựng vườn bảo tồn giống cây Đẳng Sâm tại huyện Xí Mần.

- CN Công ty đã phối hợp với Công ty CP Khoa học và Công nghệ HAMINT tiến hành liên kết với Khu Nông nghiệp Ứng dụng Công nghệ cao tại thôn Bó Lách, xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ thuộc Sở KH và CN để đưa khoa học và công nghệ vào sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo (*Cordyceps militaris*) trên điều kiện nhân tạo và bán tự nhiên tạo công ăn việc làm cho 10 lao động tại xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ.

Đặc biệt CN Công ty là đối tác của Viện Lâm nghiệp và Phát triển bền vững – Trường Đại học Nông lâm đã triển khai 3 nhiệm vụ cấp nhà nước về bảo tồn nguồn gen và phát triển một số loài cây dược liệu và lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Thông qua các nhiệm vụ cấp nhà nước này, hiện CN Công ty đã xây dựng được vườn bảo tồn giống tại Vị Xuyên, cũng như ở một số địa phương trong tỉnh như Xín Mần, Hoàng Su Phì, Quản Bạ, Mèo Vạc.

Kính thư toàn thể hội nghị!

Để có được sự phát triển và các Mô hình liên kết thúc đẩy khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống như hiện nay Chi nhánh công ty đã và đang nỗ lực rất nhiều trong việc đầu tư trang thiết bị hiện đại ban đầu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại địa phương nơi Chi nhánh công ty hoạt động và đặc biệt là thương mại hóa thành công nhiều sản phẩm phục vụ cho sản xuất nông lâm nghiệp và tiêu dùng với việc ứng dụng khoa học và công nghệ, được người tiêu dùng đánh giá cao như:

- + Các dòng sản phẩm Nấm Đông trùng Hạ thảo;
- + Các dòng sản phẩm trà: Trà Đinh Lăng, Trà Xuyên tâm liên, Trà diệp cá...
- + Sản phẩm về cây giống dược liệu nuôi cấy mô có giá trị kinh tế cao như: Đinh lăng, Gừng gió, Lan kim tuyến, Lan thạch học, Hà thủ ô đỏ, Sa nhân tím, Ba kích tím, Hoàng tinh hoa đỏ, Hoàng tinh hoa trắng...
- + Sản phẩm cây Lâm nghiệp: Keo lai mô, Bạch đàn mô, Keo tai tượng, Xoan ta, Lát hoa, Lim xanh.
- + Nhóm các giống cây ăn quả: Ổi, táo, mít, na
- + Cây công trình, cây bóng mát và cây cảnh quan.

Hiện tại, các sản phẩm của Công ty được thị trường chấp nhận và đánh giá rất cao. Đây là cơ sở để Doanh nghiệp tiếp tục đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên để các sản phẩm Mô hình liên kết thúc đẩy khoa học và công nghệ đi vào sản xuất và đời sống thì các doanh nghiệp khoa học và công nghệ cần có những hỗ trợ về:

Một là: Hỗ trợ các thủ tục pháp lý, cơ chế ưu đãi về việc sử dụng đất để xây dựng nhà xưởng, phòng thí nghiệm, khu bảo tồn lưu trữ và sản xuất giống,cơ sở hạ tầng về đường điện và giao thông.

Hai là: Thủ tục pháp lý để được cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm của mình nhằm giúp cho người sản xuất bảo vệ được danh tiếng, chất lượng sản phẩm của mình; đồng thời giúp người tiêu dùng nhận biết được nguồn gốc, chất lượng sản phẩm khi lựa chọn.

Ba là: Thành lập các quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ có ưu đãi về lãi suất cho vay, thời hạn cho vay và bảo đảm tiền vay cho các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu Khoa học và Công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

Bốn là: Trong các cuộc họp, hội thảo... của tỉnh, huyện ưu tiên sử dụng các sản phẩm của doanh nghiệp KH và CN trong tỉnh làm quà biếu nhằm giúp các doanh nghiệp quảng bá các sản phẩm của mình.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÂY CAM SÀNH HÀ GIANG

Đảng bộ huyện Bắc Quang

Xác định Khoa học và công nghệ là nhiệm vụ giữ vai trò then chốt trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện, là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp đã đề ra. Do đó, cấp ủy đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về “phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền vận động triển khai ứng dụng các tiến bộ KH và CN vào sản xuất và đời sống bằng nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương đặc biệt là trên lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực có thế mạnh của huyện.

Cây cam sành là cây có thế mạnh của huyện với diện tích hiện có tính đến nay là 4.815 ha. Để góp phần phát triển bền vững cây cam sành, trong những năm vừa qua huyện Bắc Quang đã tuyên truyền, hướng dẫn, vận động người dân áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cam. Cụ thể như sau:

Trong sản xuất: Thực hiện theo đề án tái cơ cấu Ngành Nông Nghiệp tỉnh Hà Giang, huyện đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị tuyên truyền vận động người dân trồng và chăm sóc cây cam sành theo tiêu chuẩn VietGAP. Kết quả, được sự hỗ trợ của tỉnh trên địa bàn Bắc Quang hiện có 2.876,21 ha diện tích cam sành được chứng nhận VietGAP, năng suất ước trung bình 14 tấn/ha, sản lượng trung bình năm khoảng 40.226 tấn. Qua đánh giá sơ bộ năng suất, sản lượng cao hơn, mẫu mã đồng đều và đẹp hơn so với cam sản xuất thường, nâng cao chất lượng, từng bước khẳng định vị thế cho sản phẩm cam sành Hà Giang.

Trong khâu chăm sóc: Vấn đề nước tưới rất quan trọng, trước đây người dân phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước mưa tự nhiên. Tuy nhiên, trong những năm gần đây người dân đã bắt đầu chủ động trong nguồn nước, điều chỉnh nước tưới cho cam. Nhằm mục đích tăng năng suất, sản lượng cam Sành và xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào thâm canh, Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang đã triển khai Dự án cải thiện nông nghiệp có tưới. Đây là mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, nhằm cải tạo vườn cam Sành già cỗi đang trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh. Triển khai diện tích 60 ha tại các xã vùng trọng điểm cam như Vĩnh Hảo, Vĩnh Phúc, Tiên Kiêu, Việt Hồng. Bên cạnh đó, một số hộ đã mạnh dạn đầu tư hệ thống tưới nhỏ giọt. Công nghệ tưới nhỏ giọt này đã giúp các hộ

dân kiểm soát được độ ẩm và chủ động thời điểm tưới cho cây cam, tiết kiệm được 50% lượng nước, 80% công tưới so với tưới trực tiếp gốc như trước đây, 90% công bón, 50% lượng phân vô cơ cần bón cho cây cam.

Trong khâu bảo quản sau thu hoạch: Cùng với sự phát triển về mặt kinh tế, yêu cầu của thị trường ngày càng cao, thì nhận thức người dân đã có sự chuyển biến. Một số cá nhân đã mạnh dạn xây dựng kho lạnh để bảo quản sản phẩm cam sành tại Xã Vĩnh Hảo. Ngoài ra, Được sự hỗ trợ của Tập đoàn VinGroup, Huyện đã xây dựng và vận hành dây chuyền sục ozon cho sản phẩm cam. Với công suất dây chuyền tiên hành sục được 25-30 tấn cam/ ngày. Sản phẩm sau khi được sục qua dây chuyền sục ozon cho sản phẩm có bề mặt bóng, vàng hơn so với cam Sành để tự nhiên. Hơn nữa, sục Ozone giúp cam có thời gian bảo quản tự nhiên dài hơn so với sản phẩm thông thường, do đã được khử khuẩn, diệt nấm mốc. Giải pháp này vừa giữ được mẫu mã, chất lượng sản phẩm vừa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Trong khâu tiêu thụ: Để thúc tiến tiêu thụ sản phẩm cam, nhất là trong tình hình dịch Covid-19 trong những năm gần đây huyện Bắc Quang đã phối hợp với Sở Công thương tổ chức tập huấn cho 9 Doanh nghiệp/HTX (*Công ty Cổ phần Cam Ta, Công Ty TNHH Mai Nhung, HTX Anh Tài, HTX Thương mại dịch vụ vật tư Nông nghiệp Giàn Thượng, HTX Cam VietGAP Xã Vĩnh Hảo, HTX Nông dân trồng cam sạch xã Vĩnh Phúc, HTX cam VietGAP xã Vĩnh Phúc, HTX Ngọc Mai xã Việt Hồng, HTX sản xuất cam hữu cơ Tuấn Thành*) sản xuất và tiêu thụ cam trên địa bàn huyện để vận hành gian hàng trực tuyến trên sàn giao dịch thương mại điện tử đưa sản phẩm cam lên sàn giao dịch điện tử; Đưa sản phẩm vào siêu thị, bàn hàng trên sàn thương mại điện tử Vò sò, Sen đỏ,... Phối hợp với các cơ quan đơn vị: Bru điện tỉnh, Viettel, VNPT, Viện dinh dưỡng,... liên kết tiêu thụ sản phẩm cho người dân; Đối với những sản phẩm được sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP các hộ được hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc (trung bình 700 tấn quả/ niên vụ), thùng đóng sản phẩm cam nhằm phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm cam, nâng cao giá trị, xúc tiến, quảng bá cho sản phẩm Cam sành Hà Giang; Xây dựng mô hình vườn cam mẫu gắn với chuyển đổi số với diện tích 16 ha tại các xã trọng điểm vùng cam như Vĩnh Phúc, Tiên Kiêu, Vĩnh Hảo.

Kết quả việc triển khai thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển bền vững cây cam sành đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị kinh tế, góp phần tác động tích cực, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập, ổn định đời sống người dân trên địa bàn, đồng thời, gián tiếp góp phần bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và đa dạng sinh học. Và một điều quan trọng hơn cả, người nông dân đã nhận thấy những ưu điểm của việc áp dụng khoa học công nghệ và sử dụng hiệu quả vào sản xuất, trở thành tập quán sản xuất của nông dân địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đó, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển bền vững cây cam sành còn một số tồn tại hạn chế

sau: Đã có một số đề tài, dự án nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển cây cam nhưng việc triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả sau nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ KH&CN còn hạn chế, đặc biệt là trong khâu bảo quản; Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên cây cam sành còn ít, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, chưa huy động được nguồn vốn xã hội hóa trong thu hút các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến; Tiềm lực khoa học và công nghệ của huyện còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng.

Trong thời gian tới để tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ vào phát triển cây cam sành bền vững, đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, tập trung đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ ngành nông, lâm, thủy sản.

Hai là, chú trọng liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học, gắn kết với tỉnh, thành phố có điều kiện phát triển nông nghiệp công nghệ cao trong việc nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao KH&CN, nhất là đào tạo chuyên gia về lĩnh vực công nghệ sinh học và chế biến nông, lâm, thủy sản; đẩy mạnh liên kết đào tạo, huấn luyện đội ngũ nhân lực, đào tạo nghề cho nông dân, người lao động trong cơ sở nông nghiệp ứng dụng KH&CN;

Ba là, thực hiện tốt việc nghiên cứu, tuyển chọn, chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, quy trình công nghệ mới vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ trong chế biến, bảo quản sản phẩm cam sành.

Bốn là, đa dạng hóa nguồn đầu tư cho KH&CN, khuyến khích doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển KH&CN để đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN. Có các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao; đồng thời tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia chuỗi giá trị cam trong việc thiết kế bao bì, tem nhãn điện, truy xuất nguồn gốc sản phẩm và xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN CHÈ SHAN HÀ GIANG

Đảng bộ huyện Hoàng Su Phì

Huyện Hoàng Su Phì là huyện vùng cao núi đất nằm ở phía tây của tỉnh Hà Giang, với diện tích tự nhiên là 629,4 nghìn m², diện tích nông nghiệp là 19.303,6ha, trong đó tổng diện tích cây chè là 4.652,8ha, diện tích cho thu hoạch là 3.599,1ha, sản lượng chè búp tươi đạt bình quân trên 14.000 tấn/năm. Trước kia, cây chè trên địa bàn huyện chủ yếu là tự sinh trưởng tự nhiên, không có sự chăm sóc thường xuyên, điều chỉnh lứa hái,.. sản phẩm chè chủ yếu là chè đen, chè vàng được chế biến chè bằng cách xao tay hoặc bằng công nghệ cũ, cho năng suất, chất lượng thấp. Những năm gần đây, bằng việc áp dụng khoa học, công nghệ mới từ khâu tạo nguồn nguyên liệu (Trồng, chăm sóc chè, thu hái), cho đến khâu sản xuất, chế biến, tạo mẫu mã, bao bì, thương hiệu, quảng bá sản phẩm. Thương hiệu chè Hoàng Su Phì đang từng bước được hình thành, có chỗ đứng trên thị trường, có nhiều sản phẩm, mẫu mã đa dạng, được nhiều thị trường biết đến như: trà vàng, hồng trà, bạch trà, trà ô long, trà móng rồng..., huyện có 2 sản phẩm chè được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 5 sao. Tuy nhiên, việc phát triển cây chè huyện Hoàng Su Phì còn gặp một số những khó khăn, giá trị các sản phẩm chè còn thấp, phát triển chưa xứng với tiềm năng....

Từ những lý do trên huyện Hoàng Su Phì xin tham luận và đề xuất một số giải pháp trong việc ứng dụng khoa học công nghệ vào phát triển chè như sau:

Thứ nhất: Tiếp tục triển khai và lồng ghép các chương trình, chính sách hỗ trợ về đổi mới công nghệ, áp dụng khoa học kỹ thuật vào trồng, sản xuất, chế biến chè. Khuyến khích và thu hút các chuyên gia có kinh nghiệm, các nhà đầu tư, doanh nghiệp có năng lực, tầm nhìn đầu tư các cơ sở sản xuất hiện đại, công nghệ tiên tiến vào địa bàn. Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở hiện có đổi mới công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, sử dụng các nguồn nguyên liệu sạch như: Đầu tư, hỗ trợ chuyển đổi thiết bị sản xuất, chế biến chè (Máy diệt men, khử mốc, máy xao chè bằng gas, điện...).

Thứ hai, Triển khai lồng ghép nhiều dự án, chương trình, đề án để hỗ trợ người dân từng bước đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tổ chức tập huấn kỹ thuật và chuyển giao công nghệ cho nhân dân, chú trọng ứng dụng công nghệ từ khâu tạo giống, trồng, chăm sóc, điều chỉnh lứa hái đến thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch. Từng bước thay đổi thói quen, nhận thức của người dân trong chăm sóc, chế biến chè. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, từng bước xã hội hoá hoạt động chuyển giao tiến bộ KHCN tới người dân, chú trọng và phát huy vai trò của tổ chức đoàn thể cơ sở như: Hội phụ nữ, đoàn thanh niên, Hội nông dân ... trong việc tuyên truyền, khuyến khích người dân chủ động áp dụng các tiến bộ KHCN mới vào thâm canh chè.

Ba là, Hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất tập chung, sản lượng lớn, công nghệ sạch. Thúc đẩy các hộ trồng chè tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững và chất lượng, mở rộng các diện tích chè được công nhận đạt tiêu chuẩn trong nước và quốc tế như: VietGAP, Hữu cơ,.. Xây dựng hệ thống tưới phân bón lỏng, tưới tiêu tự động,... Tạo sự liên kết, gắn kết các cơ sở sản xuất, chế biến với các hộ dân trồng chè theo tiêu chuẩn để tạo ra các sản phẩm đảm bảo từ nguồn nguyên liệu; không làm lãng phí tiềm năng, giá trị cây chè.

Thứ tư, Hỗ trợ các công ty, doanh nghiệp công nghệ, các cơ sở sản xuất, chế biến đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử, tiếp cận người tiêu dùng thông qua các nền tảng số, giúp sản phẩm đến người tiêu dùng nhanh chóng, thuận tiện, quảng bá sản phẩm trên các thị trường rộng lớn. Đăng ký chỉ dẫn địa lý, tạo mẫu mã, thương hiệu cho các sản phẩm chè. Nghiên cứu phát triển sáng tạo các sản phẩm sử dụng nguyên liệu từ chè và theo phân khúc thị trường phù hợp với thị hiếu thị trường. Hỗ trợ xúc tiến thương mại và thúc đẩy xuất khẩu chè đến thị trường có thu nhập cao như Nhật Bản, Đài Loan, Trung Quốc...

Thứ năm, Hàng năm, ngoài nguồn vốn thuộc các chương trình mục tiêu, cần lồng ghép các nguồn vốn đầu tư triển khai các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng nhằm tìm các giải pháp KHCN phù hợp đối với việc phát triển cây chè Shan Hoàng Su Phì. Khuyến khích nghiên cứu, đầu tư xây dựng các vườn giống, lưu giữ các giống chè đầu dòng, có chất lượng tốt, tạo cơ sở nhân giống phục vụ nhu cầu về giống chè cho người dân.

Kính thưa toàn thể hội nghị!

Thời gian tới, để nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm và thương hiệu chè Shan Hà Giang. Huyện Hoàng Su Phì mong muốn Trung ương, tỉnh, các cấp, các ngành, các chuyên gia, nhà khoa học tiếp tục quan tâm, hỗ trợ, giúp đỡ để phát triển cây chè Shan Hà Giang nói chung, chè Shan Hoàng Su Phì nói riêng có được chất lượng, giá trị gia tăng cao, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế vườn hộ chung của tỉnh.

CÔNG TÁC CHUYÊN ĐỔI SỐ PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TỈNH HÀ GIANG

Sở Thông tin và Truyền thông

Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đặt ra mục tiêu: *"Phát triển mạnh mẽ khoa học và công nghệ, làm cho khoa học và công nghệ thực sự là động lực quan trọng nhất để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, kinh tế tri thức, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 và là nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI."*

Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là *đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế.*

Bản chất của chuyển đổi số là hoạt động đổi mới sáng tạo. Thay vì chúng ta học tập, lao động, sản xuất theo hình thức trực tiếp, truyền thống thì chúng ta tập trung ứng dụng chuyển đổi số, tức là chúng ta ứng dụng khoa học và công nghệ mà trực tiếp là công nghệ số để: (1) số hóa dữ liệu; (2) tin học hóa quy trình, nghiệp vụ; (3) Số hóa quản lý, tổ chức, tạo ra quy trình nghiệp vụ mới có giá trị cao hơn.

Hà Giang ở vị trí rất khó khăn hay nói cách khác là địa phương miền núi đặc biệt khó khăn của vùng Đông Bắc nói riêng, cả nước nói chung. Với sự trăn trở, quyết tâm liên tục của cấp ủy, chính quyền các cấp qua nhiều thời kỳ, tình hình tăng trưởng kinh tế và thoát nghèo dần được cải thiện, nhưng vẫn chậm và thiếu bền vững.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mà chủ yếu là công nghệ số và chuyển đổi số, mở ra cơ hội cho một số tổ chức, địa phương bứt phá vươn lên, đó là những tổ chức, địa phương chủ động đổi mới sáng tạo, quyết liệt chuyển đổi tổng thể và toàn diện. Đây là giải pháp, là cơ hội để Hà Giang phát triển, thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn.

Nắm bắt được xu thế tất yếu của chuyển đổi số, ngày 23/6/2021, tỉnh Hà Giang và Tập đoàn FPT đã tổ chức Hội thảo và ký kết thỏa thuận hợp tác về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025. Đồng thời Hà Giang cũng đã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số của tỉnh do Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng ban; Thành lập Ban điều hành chuyển đổi số của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng ban; Thành

lập 07 Tổ công tác trên 07 lĩnh vực chính của chuyển đổi số; thành lập Tổ giúp việc của Ban chỉ đạo, Ban điều hành về chuyển đổi số. Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Giang ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 29/10/2021, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 293/KH-UBND ngày 07/12/2021 về chuyển đổi số của tỉnh, đây là cơ sở pháp lý quan trọng triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số được thuận lợi. Đến nay, công tác chuyển đổi số đã đi vào hiệu quả, thực chất. Một số kết quả chính cụ thể như sau:

1. Chính quyền số

- Từng bước hoàn thiện hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin, hình thành siêu xa lộ thông tin với tỷ lệ phủ sóng di động đạt 98,5%. Hoàn thành mạng Truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh được duy trì, nâng cấp băng thông với quy mô triển khai 236 điểm, trong đó có 43 điểm là các sở, ban, ngành, huyện uỷ, thành uỷ, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; 193 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; triển khai hệ thống giám sát băng thông, lưu lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng. Hà Giang được Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá là một trong tỉnh đi đầu về việc hoàn thiện hạ tầng và giám sát mạng diện rộng của tỉnh.

- Tỉnh đã đầu tư và duy trì hiệu quả Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh cho phép kết nối, liên kết tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. Thực hiện đầu tư Trục chia sẻ tích hợp dữ liệu (LGSP) của tỉnh và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) để tra cứu, khai thác danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Phát triển các Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở chuyên ngành như: CSDL về giá; Quản lý lao động - Việc làm; đất đai... đồng thời xây dựng Cổng dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm kết nối, chia sẻ 81 cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở chuyên ngành của các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 345/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 10/3/2022.

- Tập trung hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với 1.864 dịch vụ công trực tuyến. Trong đó có: 175 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 (*chiếm tỷ lệ 9.4 %*); 1.501 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (*chiếm tỷ lệ 80,53%, đạt 100% dịch vụ công đủ điều kiện cung cấp mức độ 4*). Hoàn thành kết nối Cổng dịch vụ trực tuyến của tỉnh với CSDL quốc gia, hệ thống quản lý văn bản và điều hành công việc qua Nền tảng LGSP của tỉnh.

- Tập trung triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức Chuyển đổi số cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; cho đoàn viên thanh niên; cho cán bộ chuyên môn các cấp; cho chuyên gia chuyển đổi số và phổ cập kiến thức chuyển đổi số cho người dân, doanh nghiệp.

2. Kinh tế số

- Xây dựng trang thông tin chương trình chuyển đổi số doanh nghiệp tỉnh Hà Giang tại địa chỉ <https://chuyendoiso.hagiang.gov.vn>; Triển khai chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021-2022 với mức ưu đãi 45% phí sử dụng nền tảng công nghệ và miễn phí tư vấn lộ trình chuyển đổi số từ các chuyên gia hàng đầu. Mục tiêu hỗ trợ 100 doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong đó có 50 doanh nghiệp tiên phong.

- Huy động sự phối hợp, hỗ trợ doanh nghiệp cung cấp nền tảng số nhằm triển khai đưa sản phẩm nông sản, đưa hộ sản xuất nông nghiệp trên địa tỉnh Hà Giang lên sàn thương mại điện tử (sendo, shop VnExpress, postmark, voso). Tập trung vào các sản phẩm có sản lượng lớn như cam, chè shan tuyết, mật ong bạc hà.... Tổ chức nhiều cuộc Hội thảo, Hội nghị trực tuyến hướng dẫn đưa sản phẩm nông nghiệp, đặc trưng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất lên sàn thương mại điện tử.

- Tập trung quảng bá, tiêu thụ sản phẩm Cam Hà Giang; triển khai vận hành gian hàng triển lãm thực tế ảo 3D tại Website “Triển lãm chuyển đổi số nông nghiệp Việt Nam” và đăng tải tin bài để truyền thông, quảng cáo sản phẩm OCOP, sản phẩm tiêu biểu, đặc trưng của tỉnh Hà Giang trên nền tảng số.

3. Xã hội số

- Tập trung triển khai truyền thông số về Hà Giang trên các nền tảng truyền thông số: về kết quả nổi bật của Hà Giang trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng; Hình ảnh, văn hoá truyền thống đặc sắc của quê hương, con người Hà Giang; Các chủ trương, chính sách thu hút các nhà đầu tư, phát triển du lịch của Hà Giang; Các sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

- Tập trung truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số và chuyển đổi số trong du lịch Hà Giang; tổng hợp thông tin và đưa tin về Hà Giang nhằm thay đổi nhận thức chuyển đổi số; thực hiện đưa các lễ hội du lịch của Hà Giang lên nền tảng số, tập trung vào các chương trình văn hóa lễ hội. ...

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các lĩnh vực Y tế, Giáo dục, phấn đấu 50% cơ sở giáo dục, y tế trở lên sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; hiện đại hóa cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế, giáo dục, thúc đẩy y tế, giáo dục thông minh.

Đề thúc đẩy và lan tỏa từ tỉnh đến cơ sở về chuyển đổi số trong thời gian tới, góp phần thực hiện mục tiêu hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế mà Nghị quyết 20 của BCH TW khóa XI đề ra. Hà Giang cần tập trung triển khai một số vấn đề trọng tâm về chuyển đổi số, cụ thể như sau:

1. Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức. Cấp ủy, chính quyền, mỗi cơ quan, đơn vị chủ động tiến hành chuyển đổi số ngay thông qua việc sử dụng nguồn

lực, hệ thống kỹ thuật công nghệ thông tin hiện có để số hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, chuyển đổi hoạt động từ môi trường truyền thống sang môi trường số. Chuyển đổi số ở mỗi cơ quan, địa phương phụ thuộc vào một người, đó là người đứng đầu. Người đứng đầu mà không có quyết tâm chính trị thì chuyển đổi số sẽ không xảy ra. Cấp ủy, chính quyền các cấp phát huy vai trò Ban chỉ đạo Ban điều hành chuyển đổi số để tổ chức lựa chọn và triển khai mô hình chuyển đổi số phù hợp, hiệu quả, lấy người dân làm trung tâm.

2. Bám sát định hướng chuyển đổi số Quốc Gia, Chiến lược phát triển chính phủ số; kinh nghiệm triển khai chính quyền điện tử của một số địa phương để triển khai hiệu quả Nghị quyết 18-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban chấp hành về Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm thực hiện thành công 05 nhiệm vụ trọng tâm, 03 đột phá mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII đã đề ra.

3. Trình độ dân trí của Hà Giang còn hạn chế, trong khi chuyển đổi số đang là xu hướng tất yếu của sự phát triển. Để tạo sự đồng thuận, vào cuộc của cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân thì các cơ quan báo chí, truyền thông phải tập trung đẩy mạnh công tác truyền thông số, chia sẻ, phổ biến câu chuyện thành công, tôn vinh gương thành công điển hình về chuyển đổi số. Qua đó, truyền cảm hứng, huy động sự vào cuộc 4 bên: người dân, chính quyền, chuyên gia và doanh nghiệp trong việc triển khai chuyển đổi số.

4. Tổ chức nghiên cứu, tìm ra giải pháp và triển khai quyết chuyển đổi số trong mỗi ngành, lĩnh vực, địa phương, từng bước cải thiện vị trí xếp hạng các chỉ số của Hà Giang so với các tỉnh/thành phố trên toàn quốc như: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; chỉ số chuyển đổi số; chỉ số cải cách hành chính; chỉ số quản trị hành chính công...

5. Tập trung thực hiện chuyển đổi số trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong đó tập trung nguồn lực thúc đẩy thực hiện xây dựng Chính quyền số để tạo đà và định hướng, dẫn dắt, quản lý, hỗ trợ kinh tế số và xã hội số phát triển.

6. Tập trung giải quyết vấn đề tiêu thụ sản phẩm sản phẩm du lịch và dược phẩm trên các nền tảng bán hàng trực tuyến cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình; tổ chức các sự kiện chuyển đổi số doanh nghiệp, gian hàng Việt, hội nghị về các lĩnh vực trọng tâm của tỉnh (nông nghiệp, dược liệu, du lịch,...) để kết nối doanh nghiệp với địa phương.

ĐẢM BẢO TÀI CHÍNH CHO KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ GIANG

Sở Tài chính

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định nhiệm vụ và giải pháp đối với khoa học, công nghệ: Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, bảo đảm để hội nhập quốc tế cũng như tiến trình toàn cầu hóa.

Luật Khoa học và công nghệ quy định “Ngân sách cho Khoa học và công nghệ phải được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hàng năm của bộ, ngành, địa phương”. Dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ có xu hướng tăng trong 10 năm qua, đã được TW giao trong dự toán ngân sách nhà nước quốc gia về lĩnh vực khoa học, công nghệ. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách tài chính nhằm tạo sức bật mạnh mẽ cho khoa học và công nghệ, trong đó tập trung đảm bảo nguồn ngân sách dành cho phát triển khoa học công nghệ.

Về nội dung chi cũng đã được quy định cụ thể bao gồm: Chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ (chi phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đầu tư và hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các tổ chức khoa học và công nghệ; chi sự nghiệp khoa học và công nghệ (chi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi thường xuyên và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; cấp vốn điều lệ và vốn bổ sung cho các quỹ quốc gia của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; hỗ trợ chuyển giao và nhập khẩu công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, hỗ trợ các hoạt động hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ, và các khoản chi có liên quan khác...).

Đối với tỉnh Hà Giang là một tỉnh miền núi, biên giới, ngân sách chủ yếu do ngân sách Trung ương hỗ trợ. Việc đảm bảo ngân sách cho các hoạt động khoa học và công nghệ của ngân sách địa phương được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn.

Căn cứ các quy định hiện hành của Trung ương: “*Đối với sự nghiệp khoa học và công nghệ: Phân bổ và giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng chính phủ*”. Căn cứ văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính, Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập Kế hoạch tài chính trung hạn 3 năm và xây dựng dự toán ngân sách địa phương hàng năm, trong đó có hướng dẫn đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Căn cứ dự toán TW giao, nhiệm vụ khoa học, công nghệ thực hiện hàng năm và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính tổng hợp trình phân bổ thực hiện chi NSNN cho Khoa học và công nghệ bằng hoặc cao hơn mức Trung ương giao (Từ năm 2013 đến năm 2016 địa phương giao tăng từ 9% đến 13% so với mức Trung ương giao), cụ thể:

- Năm 2013: TW 12.299/ĐP 13.449 triệu đồng (giao tăng 9%)
- Năm 2014: TW 12.894/ĐP 14.539 triệu đồng (giao tăng 13%)
- Năm 2015: TW 13.150/ĐP 14.815 triệu đồng (giao tăng 13%)
- Năm 2016: TW 13.150/ĐP 13.394 triệu đồng (giao tăng 13%)

Đặc biệt, năm 2017 thực hiện đề án tái cơ cấu kinh tế của tỉnh, địa phương giao tăng 86% so với mức Trung ương giao (TW 16.790/ĐP 31.190 triệu đồng).

Đối với phân bổ chi tiết cho sự nghiệp khoa học và công nghệ: Thực hiện theo Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh, hàng năm kinh phí thực hiện các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bao gồm nguồn từ NSNN hỗ trợ và các nguồn thu hợp pháp khác) được cân đối về Sở Khoa học và Công nghệ, trong đó:

Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện việc phân bổ và giao dự toán theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tập trung kinh phí cho các đề tài, dự án khoa học, công nghệ và các nhiệm vụ không thường xuyên: Đề xuất ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ kết thúc trong năm, đối ứng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, các nhiệm vụ chuyển tiếp, đảm bảo phù hợp với tiến độ, khả năng giải ngân kinh phí.

Việc xây dựng dự toán, quản lý, cấp phát, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ được thực hiện theo quy định về quản lý tài chính khoa học và công nghệ hiện hành.

Hướng dẫn việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực khoa học, công nghệ.

Để tổ chức thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật, các quy định hiện hành, đảm bảo tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ, Sở Tài chính đề xuất một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất: Tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng trên mọi lĩnh vực, bảo đảm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ.

Thứ hai: Huy động nguồn tài chính của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh để đầu tư cho khoa học và công nghệ.

Thứ ba: Huy động các nguồn đối ứng từ các doanh nghiệp, đóng góp từ các cá nhân, tổ chức dành cho nghiên cứu, ứng dụng các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

Thứ tư: Cân đối đề xuất bố trí nguồn lực dành cho các nhiệm vụ khoa học công nghệ có tính ứng dụng cao, có khả năng nhân rộng vào thực tiễn, theo hướng tập trung trọng điểm, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ năm: Đẩy mạnh thực hiện đặt hàng, đấu thầu dịch vụ sự nghiệp công; triển khai thực hiện cơ chế tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ BẢO TỒN
VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT TOÀN CẦU
CAO NGUYÊN ĐÁ ĐỒNG VĂN**

Đảng bộ huyện Đồng Văn

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương đảng khóa (XI), Chương trình, số 64-CTr/TU của Ban chấp hành đảng bộ tỉnh Hà Giang; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 06/6/2014 của UBND tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; và các văn bản tổ chức thực hiện tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy đã ban hành các văn bản chỉ đạo các chi đảng bộ trực thuộc, Đảng ủy các xã, thị trấn tổ chức học tập, quán triệt để tổ chức thực hiện. Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban chấp hành Trung ương đảng khóa (XI), Hoạt động khoa học và công nghệ đã có nhiều chuyển biến tích cực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện; kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ đi vào cuộc sống, từng bước khẳng định vai trò khoa học và công nghệ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện trong từng ngành, lĩnh vực phục vụ công cuộc xoá đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội; công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ đang từng bước được cải thiện, áp dụng linh hoạt các cơ chế chính sách đối với khoa học công nghệ đặc biệt là trong các lĩnh vực như: khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, khoa học xã hội và nhân văn, điển hình là phát triển trong các ngành du lịch, dịch vụ gắn với việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc của huyện nói riêng và trên vùng Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang,

* **Thưa Hội nghị:** Ngày 03/10/2010, Cao nguyên đá Đồng Văn đã được UNESCO công nhận Công viên địa chất là mạng lưới công viên địa chất đầu tiên của Việt Nam và thứ hai ở Đông Nam Á. Năm 2014 và năm 2019, UNESCO đã tái công nhận Cao nguyên đá Đồng Văn là thành viên của mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO giai đoạn 2015-2018 và giai đoạn 2019-2022, việc bảo tồn và phát huy những giá trị của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn có đóng góp không nhỏ của khoa học và công nghệ trong việc bảo tồn và phát triển những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, các di sản địa chất trên 04 huyện vùng cao của tỉnh nói chung và của huyện Đồng Văn nói riêng, với vị thế là vùng lõi của Công viên địa chất UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn, trong thời gian qua huyện đã ban hành những văn bản chỉ đạo chính quyền địa phương bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa. ứng dụng triển khai nhân rộng một số đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp có trọng tâm, trọng điểm như: Nghiên cứu bảo tồn kiến trúc nhà ở của dân tộc Mông, tại huyện Đồng Văn, dự án nhân rộng Mô hình du lịch cộng đồng gắn với du lịch, xây dựng và phát triển thương hiệu mang chỉ dẫn địa lý như: Bò Vàng Đồng

Văn, mật ong Bạc Hà “Mèo Vac”, Hồng không hạt Quán Bạ, đặc biệt là triển khai dự án cấp nước sinh hoạt cho nhân dân thị trấn Đồng Văn và các khu vực lân cận bằng công nghệ Bơm không dùng điện (PaT)..., Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được bên cạnh đó khoa học và công nghệ còn gặp phải những khó khăn, hạn chế nhất là trong công tác bảo tồn các kiến tạo địa chất, các di sản và các danh lam thắng cảnh trên vùng cao nguyên đá của Hà Giang do thu nhập của người dân còn hạn chế, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao (tính đến cuối năm 2021, tỷ lệ hộ nghèo tại 04 huyện cao nguyên đá còn trên 50% trên tổng số hộ, theo chuẩn nghèo mới của Chính phủ, trình độ dân trí thấp... là những khó khăn khi triển khai công tác bảo tồn các loại di sản. Từ những hạn chế đó Đồng Văn xin đưa ra một số giải pháp vai trò của khoa học và công nghệ trong việc bảo tồn và phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn trong thời gian tới như sau:

Một là: Tiếp tục nghiên cứu, ứng dụng triển khai các đề tài/ dự án khoa học và công nghệ các cấp, kết hợp ban hành cơ chế chính sách ưu tiên mời gọi các nhà đầu tư, khai thác và phát triển du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và các thể mạnh khác của vùng có sự liên kết, phối hợp với người dân; đẩy mạnh xây dựng và phát huy các làng nghề truyền thống; sản xuất các loại hàng hóa đặc thù của vùng; phát triển các loại hình du lịch như: du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm trải nghiệm..., gắn với phục dựng và bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc trên vùng Cao nguyên đá.

Hai là, Trú trọng công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, cả vật thể và phi vật thể, phải hướng tới cộng đồng dân cư đang sống trong khu vực di sản và cộng đồng là du khách đến tham quan di sản và văn hoá phi vật thể; việc bảo tồn và phát huy giá trị kho tàng di sản chính là sự đóng góp cho phát triển bền vững. trong quá trình triển khai các dự án bảo tồn di sản, cần đặt ra nhiệm vụ nâng cao nhận thức và sự hiểu biết về giá trị của di tích cho cộng đồng dân cư để cộng đồng tham gia có trách nhiệm vào công tác bảo vệ; đào tạo tại chỗ tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các hoạt động phát triển đa dạng sinh học, tạo công ăn việc làm cho cộng đồng sống trong khu vực di sản.

Ba là. Cần sử dụng tiết kiệm các tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên không thể tái tạo. Di tích lịch sử - văn hoá cũng là một loại "tài nguyên" không thể tái tạo. Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di tích là bằng nhiều giải pháp kỹ thuật cổ truyền và khoa học và công nghệ hiện đại giữ cho được "yếu tố gốc cấu thành di tích theo Công ước UNESCO 1972 về Bảo vệ Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, kết hợp bảo tồn các Lễ hội cổ truyền các dân tộc địa phương có sự phối hợp của tổ chức trực tiếp quản lý di sản, sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền, đoàn thể các cấp trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường... thì lễ hội sẽ trở thành một nguồn lực lớn cho phát triển bền vững.

Bốn là, Cần có các biện pháp nhằm hạn chế sự tác động của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, mưa bão. Đối với di tích lịch sử - văn hóa như: nhà cổ, di tích kháng chiến, về chất liệu chủ yếu là (gạch, đá, gỗ, tre, nứa, lá), trong đó, đa số là chất liệu hữu cơ, rất dễ bị biến dạng, nấm mốc, mối mọt, hư hỏng, xuống cấp, sụp đổ do thời tiết nhiệt độ ẩm, mưa bão, gió lốc, đặc biệt là sự biến đổi khí hậu trong nhiều năm gần đây. Đồng Văn là cũng có nhiều ảnh hưởng về thiên tai theo đó những di tích lịch sử văn hóa cũng đang đặt ra nhiều thử thách. Do vậy việc bảo tồn các di tích lịch sử-văn hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu khó lường như hiện nay. Bên cạnh việc áp dụng những kinh nghiệm, phương pháp bảo tồn truyền thống và ứng dụng phương pháp khoa học - công nghệ hiện đại, cần nghiên cứu triển khai số hóa dữ liệu về di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh để có thể khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu mở phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản.

Năm là, Tiếp tục bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học Cao nguyên đá Đồng Văn được xếp vào loại có tính đa dạng sinh học cao như: Khu bảo tồn động vật rừng nguyên sinh xã Du Già huyện Yên Minh, rừng nguyên sinh Vàn Chải huyện Đồng Văn, các hệ thống hang động khác, các khu bảo tồn địa chất, các hóa thạch, khảo cổ học, bảo tồn đa dạng sinh học không phải là bảo tồn nguyên trạng mà là vừa bảo tồn vừa phát triển bền vững. Trong điều kiện biến đổi hệ sinh thái, cần nghiên cứu thực hiện các giải pháp hạn chế sự suy giảm hoặc biến mất của một số loài đặc hữu và sự xâm nhập của các loài ngoại lai, đồng thời phải hình thành được cơ chế phối hợp liên ngành với các tổ chức có liên quan và ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại trong công tác quản lý, bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học.

Sáu là. Tăng cường năng lực quản lý và phát triển nguồn nhân lực phát triển bền vững. xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh là xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn có tính chuyên nghiệp cao được trang bị và nắm vững những quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Di sản văn hóa và những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cũng như những quy định của Công ước và Hiến chương quốc tế về Di sản thế giới; được trang bị các phương pháp khoa học về bảo tồn truyền thống và hiện đại; phối hợp và liên kết với các chuyên gia trên nhiều lĩnh vực khác nhau, cả khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn để quản lý và triển khai trên thực tế các hoạt động quy hoạch, thiết kế, bảo quản, tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Đảng bộ huyện Quản Bạ

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, ngay từ khi Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) được ban hành, huyện đã chủ động tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức và quần chúng nhân dân về nội dung của Nghị quyết số 20-NQ/TW và các văn bản của tỉnh cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW. Đồng thời, chỉ đạo các chi bộ, đảng bộ trực thuộc tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tùy theo điều kiện cụ thể tại mỗi cấp ủy, đơn vị. Qua quá trình triển khai nghiên cứu, học tập đã giúp cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò của phát triển khoa học công nghệ, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, góp phần thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW

Trong 10 năm qua, huyện Quản Bạ đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh, đặc biệt Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ. Nhờ đó, huyện đã đạt được những kết quả tích cực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, kết quả cụ thể như sau:

- Huyện Quản Bạ đã lựa chọn được nhiều giống cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sản xuất của huyện. Đến nay, nhiều sản phẩm nông sản đặc sản của huyện đã và đang khẳng định được thương hiệu trên thị trường như: Sản phẩm Mật ong Bạc hà, Hồng không hạt, Giảo cổ lam đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ cấp chứng nhận chỉ dẫn địa lý (*Mật ong Bạc hà năm 2013; Hồng không hạt năm 2017; Giảo cổ lam năm 2020*). Ngoài ra huyện đã quan tâm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân phát triển nhiều sản phẩm nông nghiệp, đến nay đã phát triển được trên 40 sản phẩm dược liệu các loại, trên 10 sản phẩm Mật ong, trên 8 sản phẩm Chè và nhiều sản phẩm khác. Nhiều sản phẩm đã có mã số, mã vạch, mẫu mã đa dạng và được đưa vào các trung tâm giới thiệu sản phẩm, các điểm dừng chân, trên các trang thông tin điện tử và được thị trường đón nhận như trà Giảo cổ lam, cao Actiso, trà Gừng, trà Kim ngân hoa, bột Thảo quả... Cùng với đó việc phát triển và hoàn thiện các sản phẩm OCOP luôn được huyện quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện. Từ năm 2019 đến nay, trên địa bàn đã có trên 26 sản phẩm chứng nhận đạt sao OCOP cấp tỉnh, trong đó có 20 sản phẩm nông nghiệp của 9 hợp tác xã, gồm: Mật ong 5 sản phẩm (của 3 hợp tác xã); Chè Shan tuyết 7 sản phẩm (3 hợp tác xã); Dược liệu 8 sản phẩm (của 3 hợp tác xã), huyện đang tiếp tục chỉ đạo hoàn thiện và phát triển nhiều sản phẩm khác.

- Về sản xuất nông nghiệp hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến theo nhu cầu của thị trường, áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp chuẩn (VIETGAP), huyện chú trọng xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản và bảo tồn, phát triển nguồn gen cây ăn quả quý có năng suất, chất lượng cao như Hồng không hạt, thực hiện nhân giống bằng phương pháp ghép cành và giâm bằng rễ. Đối với dược liệu, huyện chủ động đưa một số giống mới vào sản xuất thử nghiệm và trồng đại trà thành công như Actiso, Mã đề, Đương quy...; xây dựng thí điểm mô hình sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, dự án sản xuất ứng dụng công nghệ cao đối với các loại rau có giá trị kinh tế cao tại xã Quyết Tiến. Đồng thời, tiếp thu, chuyển giao các quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, chế biến sản phẩm dược liệu, nâng tổng diện tích cây dược liệu hàng năm trên địa bàn lên 2.950 ha.

- Huyện chủ động tiếp nhận và chuyển giao ứng dụng các công nghệ về sinh sản, đặc biệt là công nghệ sản xuất, bảo quản tinh trùng đông lạnh và phương pháp thụ tinh nhân tạo để lai tạo ra các giống gia cầm, gia súc có năng suất, chất lượng tốt, sức chống chịu và kháng bệnh cao trước các điều kiện bất lợi của môi trường. Đồng thời sử dụng rộng rãi công nghệ biogas, công nghệ đệm lót sinh học và các chế phẩm sinh học trong chăn nuôi, đẩy mạnh ứng dụng thụ tinh nhân tạo nhằm cải tạo chất lượng đàn bò và tăng đàn sinh học hiệu quả, tổ chức các lớp tập huấn chăn nuôi bò vàng vùng cao theo hướng an toàn sinh học, triển khai thực hiện các mô hình chăn nuôi bò vỗ béo, sinh sản. Từ năm 2016 đến nay, huyện đã triển khai thực hiện thành công chương trình thụ tinh nhân tạo nhằm cải thiện tầm vóc đàn bò vàng vùng cao, kết quả trung bình mỗi năm thực hiện phối giống cho khoảng trên 1.400 con bò, trong đó có khoảng 1.000 con thành công.

- Về ứng dụng cơ giới hoá trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện gần đây tương đối cao, bước đầu tạo sự chuyển biến lớn trong sản xuất, góp phần tăng năng suất, sản lượng cây trồng. Với việc tiếp cận khoa học kỹ thuật và hệ thống máy móc, trang thiết bị đã giúp người nông dân ngày càng chủ động, sáng tạo, thay đổi tư duy, hướng đến sản xuất bền vững. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân trong nông nghiệp trên địa bàn huyện đạt trên 50%, trong đó: Máy làm đất tỷ lệ cơ giới hóa 60%; máy trong khâu gieo, trồng, chăm sóc tỷ lệ cơ giới hóa bình quân đạt 50%; máy trong phục vụ thu hoạch, tỷ lệ cơ giới hóa bình quân đạt 50%; máy trong khâu chế biến thức ăn thô xanh, tỷ lệ cơ giới hóa đạt 70%.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Mức độ ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chủ yếu chỉ tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp. Kết quả nhân rộng các mô hình thí điểm chuyển giao công nghệ chưa cao, các mô hình chuyển giao chưa phong phú, chưa có tính ứng dụng rộng rãi vào các lĩnh vực của đời sống.

- Vai trò, tác động của khoa học và công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế chưa rõ nét, đặc biệt là chưa tạo ra các mô hình đột phá về phát triển kinh tế thông qua ứng dụng tiên bộ kỹ thuật.

- Hoạt động quảng bá thương hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực của huyện trên thị trường còn hạn chế, sản phẩm hướng vào xuất khẩu chưa có.

- Tỷ lệ cơ giới hóa đạt thấp so với kế hoạch dự kiến, chủ yếu là máy làm đất nhỏ, máy thái, máy xay, máy nghiền các loại.

2.2. Nguyên nhân

- Trong sản xuất một số doanh nghiệp, người dân chưa mạnh dạn đầu tư tiếp cận ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Vấn đề đầu tư xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp công nghệ cao chưa có đề án, chương trình cụ thể để huy động nguồn lực, các thành phần kinh tế tham gia.

- Do điều kiện tự nhiên, địa hình của huyện chủ yếu là đồi núi đá, ruộng bậc thang, nương xấp đá.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong thời gian tới

3.1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về tầm quan trọng của Khoa học và Công nghệ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc các chủ trương của Đảng và cấp ủy các cấp về phát triển khoa học công nghệ.

3.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nhằm tạo ra các chuỗi giá trị sản phẩm. Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa nông sản địa phương.

3.3. Đề xuất nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện các chính sách, giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ nông dân, thu hút các nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và trồng thử nghiệm một loại cây đặc thù của địa phương đạt yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn VietGap như Chè dây, Cần tây, Diếp cá...

4. Về đề xuất kiến nghị:

4.1. Đề nghị tỉnh xem xét hỗ trợ huyện phát triển vùng sản xuất rau - hoa xã Quyết Tiến trở thành Trung tâm ứng dụng phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

4.2. Đề nghị tỉnh xem xét hỗ trợ xây huyện bảo tồn, khảo nghiệm một số loài dược liệu quý (*Tam thất 7 lá 1 hoa, Sâm Ngọc Linh*) trên địa bàn huyện Quán Bạ (Địa điểm thực hiện: Thôn Chín Chu Lìn, xã Cao Mã Pờ).

4.3. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Giang hỗ trợ huyện chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong việc thụ tinh nhân tạo đối với giống Lợn đen địa phương nhằm nâng cao năng suất sinh sản.

GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC ĐỂ NHÂN RỘNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KH&CN VÀO SẢN XUẤT PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI TỈNH HÀ GIANG

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh

Nguồn lực khoa học và công nghệ (KH&CN) là toàn bộ các nguồn lực mà xã hội có thể huy động để phục vụ cho các hoạt động KH&CN. Nói một cách khác, nguồn lực KH&CN là khả năng, năng lực KH&CN có thể được huy động và sẵn sàng phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội khi được khai thác. Nguồn lực KH&CN cơ bản bao gồm 05 yếu tố: Nguồn lực về cơ cấu tổ chức của hệ thống KH&CN; nguồn nhân lực; nguồn tài lực; nguồn vật lực và nguồn tin lực KH&CN. Có thể nói, nguồn lực KH&CN là yếu tố quan trọng, có tính quyết định đến sự phát triển của hoạt động KH&CN. Thực tế đã chứng minh, nơi nào nguồn lực KH&CN dồi dào, nơi đó có môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế và các hoạt động xã hội được nâng lên.

1. Khái quát thực trạng KH&CN và nguồn lực KH&CN tỉnh Hà Giang

Những năm gần đây, hoạt động KH&CN của tỉnh Hà Giang đã có những chuyển biến tích cực, với việc "chủ động triển khai hợp tác với các cơ quan, đơn vị KH&CN có kinh nghiệm và uy tín để nghiên cứu, tư vấn, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN. Tập trung ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động quản lý nhà nước, phục vụ công tác cải cách hành chính. Quan tâm triển khai có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, môi trường, y dược; ứng dụng..."¹. Việc huy động các nguồn lực KH&CN trên địa bàn tỉnh, nhằm ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật (TBKT) và chuyển giao công nghệ (CGCN) vào sản xuất đã đạt một số kết quả cụ thể, nhiều tiến bộ KH&CN đã được ứng dụng hiệu quả vào thực tiễn sản xuất và đời sống, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc ứng dụng các TBKT, đổi mới công nghệ, thiết bị và đặc biệt là việc nhân rộng kết quả nghiên cứu KH&CN và sản xuất phục vụ phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh vẫn còn chậm, chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển KT-XH, yêu cầu của công cuộc CNH-HĐH trên địa bàn tỉnh. Có nhiều yếu tố tác động đến, nhưng theo ý kiến cá nhân của tác giả bài tham luận, một trong những nguyên nhân chủ yếu là do nguồn lực KH&CN của tỉnh vẫn còn hạn chế và tiềm ẩn nhiều bất cập, đòi hỏi phải sớm có giải pháp khắc phục như đề cập ở phần dưới đây:

- Nguồn lực tổ chức KH&CN còn mỏng. Hiện nay tỉnh Hà Giang thiếu các tổ chức KH&CN trong ứng dụng và chuyển giao các kết quả KH&CN vào sản xuất và đời sống. Theo thống kê, hiện nay toàn tỉnh chỉ có 04 đơn vị sự nghiệp công lập được xác định là tổ chức KH&CN công lập²; còn lại là một đơn vị hành chính, tổ chức chính trị- xã hội khác không phải là cơ quan nghiên cứu, hoạt động KH&CN theo Luật quy định. Thời gian qua, tuy các đơn vị này đã quan tâm tham gia thực hiện một số đề tài, dự án

¹ Trích Văn kiện Đại hội Tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 đánh giá về KH&CN giai đoạn 2015-2020

² Gồm Trung tâm Thông tin và CGCN mới (Sở KH&CN), Trung tâm Giống cây trồng Đạo Đức, Trung tâm Thủy sản, Trung tâm Giống và Gia súc Phó

nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhưng chủ yếu phục vụ chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp cho các sở, ngành chức năng... Trong khi đó, Tỉnh còn thiếu các tổ chức KH&CN ngoài công lập hay doanh nghiệp KH&CN thực hiện chức năng chính về KH&CN, đề xuất tổ chức triển khai ứng dụng và chuyển giao các kết quả KH&CN vào thực tiễn sản xuất.

- Thiếu nguồn nhân lực trực tiếp tham gia triển khai hoạt động KH&CN: Theo thống kê chưa đầy đủ, tính đến ngày 31/12/2020, toàn tỉnh có trên 23.400 trí thức có trình độ từ cao đẳng trở lên. Trong đó: Tiến sĩ và tương đương có 54 người; Thạc sĩ/Chuyên khoa cấp I có 1.300 người; Đại học có 18.635 người; Cao đẳng có 3.825 người. Đội ngũ trí thức của tỉnh đã tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng, nhưng chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực lãnh đạo, điều hành, quản lý nhà nước và các sự nghiệp công (y tế, giáo dục...) Họ đã phát huy được năng lực chuyên môn; tích cực, chủ động nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tham gia nghiên cứu các đề tài, dự án, nhiệm vụ hoạt động KH&CN phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp uỷ, chính quyền, phát triển kinh tế- xã hội của địa phương, đơn vị. Trong khi đó, lại thiếu các chuyên gia đầu ngành và nguồn nhân lực trực tiếp tham gia triển khai các hoạt động KH&CN phục vụ sản xuất và đời sống thông qua các tổ chức KH&CN...

- Về đầu tư tài chính (tài lực) cho hoạt động KH&CN: Là tỉnh miền núi, biên giới còn gặp nhiều khó khăn về phát triển kinh tế, đa phân chi ngân sách của tỉnh phụ thuộc vào sự cân đối của Trung ương. Thời gian qua, đầu tư tài chính cho KH&CN đã được quan tâm đáng kể: Theo thống kê, tổng ngân sách đầu tư cho hoạt động KH&CN giai đoạn 2018-2022 của tỉnh Hà Giang là 131,873 tỷ đồng, trung bình mỗi năm: 26.374 tỷ đồng, tương đương 1,4 % so với tổng chi ngân sách³. Mặc dù đã tăng đáng kể so với năm 2012, nhưng chưa đảm bảo trên >2% vào năm 2020 so với Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là NQ 20) đã đề ra. Ngoài ngân sách nhà nước, một số đơn vị/tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp cũng đã chủ động huy động thêm nguồn vốn ngoài ngân sách từ các tổ chức phi chính phủ triển khai các dự án phục vụ phát triển KTXH; một số doanh nghiệp, HTX đã mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, tạo ra sản phẩm có chất lượng, giá trị, đã giúp tăng lợi nhuận cho đơn vị, tạo công ăn, việc làm cho người dân... Tuy chưa có số liệu thống kê đầy đủ, nhưng nhìn chung, đầu tư xã hội cho việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN của tỉnh còn hạn chế.

- Cơ sở hạ tầng (nguồn vật lực) KH&CN thiếu. Hiện nay tỉnh chưa có phòng thí nghiệm hay khu công nghệ cao nào đạt chuẩn để triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ thực tiễn sản xuất và đời sống. Tuy Trung tâm KHKT giống cây trồng Đạo Đức đã đầu tư xây dựng được phòng thí nghiệm để triển khai các nhiệm vụ KH&CN nhưng mới hoạt động ở giai đoạn đầu; còn khu công nghệ cao, thời gian trước đây

³ Theo các Nghị quyết HĐND tỉnh: năm 2018: dự toán chi KH&CN của tỉnh là 31,45 tỷ (tương đương 1,9% tổng chi NS); Năm 2019: 29,06 tỷ (tương đương 1,6% tổng chi NS); năm 2020: 29,96 tỷ (tương đương 1,5% tổng chi NS); năm 2021: 22,21 tỷ (tương đương 1,2% tổng chi NS); năm 2022: 19,24 tỷ (tương đương 0,9% tổng chi NS)

tỉnh đã có chủ trương xây dựng khu công nghệ cao tại xã Quyết Tiến, huyện Quán Bạ nhưng do nhiều nguyên nhân dẫn hiện nay chưa đi vào hoạt động được.

- Thông tin KH&CN (nguồn tin lực) chưa đáp ứng được yêu cầu. Thông tin KH&CN là nền tảng, tiền đề phát triển KH&CN; là căn cứ quan trọng để các nhà quản lý đưa ra các quyết định liên quan đến phát triển kinh tế- xã hội; nhờ thông tin KH&CN mà các tổ chức và doanh nghiệp sản xuất có thể giảm bớt được chi phí nghiên cứu, hạn chế rủi ro và rút ngắn được thời gian triển khai, áp dụng các tiến bộ mới một cách nhanh chóng, hiệu quả... Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay thông tin KH&CN của tỉnh còn chưa đáp ứng được yêu cầu; thiếu cơ sở dữ liệu về thành tựu KH&CN trong và ngoài tỉnh để các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tra cứu thông tin trước khi quyết định đưa ra ý tưởng phù hợp để triển khai các nhiệm vụ KH&CN; đối với người sản xuất, do thiếu thông tin về thị trường dẫn đến các sản phẩm của họ thường bị ép giá hoặc bán với giá chưa sát với thực tế thị trường...

Ngoài hạn chế bởi 05 nguồn lực KH&CN đã đề cập nêu trên, một trong những nguyên nhân dẫn đến các tiến bộ KH&CN, mà trực tiếp là các kết quả KH&CN đã triển khai thành công trên địa bàn tỉnh còn chậm được nhân rộng sản xuất đó là cơ chế chính sách. Mặc dù thời gian qua, các văn bản, chính sách về KH&CN đã từng bước được đổi mới và tương đối đồng bộ, đã giúp cho các tổ chức, cá nhân có điều kiện thuận lợi trong triển khai các nhiệm vụ KH&CN thông qua cơ chế đặt hàng, đấu thầu, khoán chi; nguồn nhân lực KH&CN khối nhà nước đã được nâng lên đáng kể thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài... Tuy nhiên, thực tế cho thấy hiện tỉnh còn thiếu các cơ chế chính sách liên quan đến thúc đẩy phát triển các nguồn lực KH&CN phục vụ nhân rộng các kết quả KH&CN vào sản xuất và đời sống.

2. Giải pháp huy động nguồn lực nhân rộng kết quả KH&CN vào thực tiễn

Nhằm huy động tối đa các nguồn lực KH&CN để các kết quả KH&CN kịp thời được nhân rộng vào sản xuất và đời sống đạt hiệu quả, trong thời gian tới Tỉnh cần quan tâm tới một số giải pháp sau:

- Thứ nhất, cần tiếp tục quan tâm rà soát, thể chế hoá các quy định của pháp luật về KH&CN thành cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù khó khăn của tỉnh nhằm thúc đẩy hoạt động KH&CN và đẩy mạnh ứng dụng các kết quả KH&CN thành công vào thực tiễn sản xuất và đời sống như: Chính sách hỗ trợ, ứng dụng, nhân rộng kết quả KH&CN⁴; chính sách thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn lực chất lượng cao⁵;

⁴ Liên quan đến vấn đề này, thời gian qua, hàng năm tỉnh Hà Giang đã dành một phần kinh phí (3-5% tổng chi ngân sách cho KH&CN) để phân bổ cho các huyện/thành phố triển khai các dự án nhân rộng kết quả KH&CN vào sản xuất. Tuy nhiên do kinh phí phân bổ còn hạn chế, mặt khác quá trình tổ chức thực hiện còn thiếu tổ chức KH&CN đứng ra làm đầu mối gắn kết với các huyện để nhân rộng đối với những nhiệm vụ có tính chất liên vùng, dẫn đến địa phương nào quan tâm thì có dự án triển khai hoặc cùng một nội dung nhân rộng, có nhiều huyện cùng lập dự án, làm tăng thêm chi phí quản lý giám tiếp và giám đầu tư trực tiếp cho các mô hình nhân rộng. Bên cạnh đó, do chưa có chính sách hỗ trợ nên việc huy động thêm nguồn tài lực từ xã hội hoá còn nhiều hạn chế.

⁵ Hiện nay, tỉnh đã có chính sách thu hút sinh viên theo Quyết định số 216/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh về "Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ trên địa bàn tỉnh". Còn về chính sách

ơ chế tôn vinh trí thức; cơ chế hỗ trợ thúc đẩy các loại hình tổ chức KH&CN ngoài công lập và Doanh nghiệp KH&CN.... mang tính đặc thù của tỉnh Hà Giang.

- Thứ hai, cần quan tâm củng cố tổ chức và hoạt động và tăng cường tiềm lực KH&CN cho các tổ chức KH&CN hiện có của tỉnh để hoạt động hiệu quả theo cơ chế tự chủ, tự trang trải như quy định hiện hành. Đồng thời, cần khuyến khích thoả đáng để có ngày càng nhiều doanh nghiệp KH&CN hay tổ chức KH&CN ngoài công lập đăng hoạt động và tham gia các hoạt động KH&CN phục vụ phát triển KTXH của tỉnh;

- Thứ 3, cần tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, không những chỉ khối cơ quan nhà nước mà cần quan tâm hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cả nhân lực làm việc tại các tổ chức KH&CN hay doanh nghiệp KH&CN, để cung cấp cho tỉnh nguồn nhân lực chất lượng cao, có tâm huyết, say mê với KH&CN vì sự khát vọng vì Hà Giang phát triển;

- Thứ 4, về tài chính cho hoạt động KH&CN. Cần kiến nghị với bộ, ngành trung ương xem xét tăng dần kinh phí sự nghiệp KH cân đối, phân bổ cho địa phương hàng năm, đảm bảo đạt >3% vào năm 2030 theo tinh thần Nghị quyết 20 đề ra. Đồng thời cần cơ cấu lại việc phân bổ kinh phí đầu tư theo hướng ưu tiên hỗ trợ đầu tư chuyên giao và nhân rộng các kết quả KH&CN đã thành công vào sản xuất và đời sống, kinh phí còn lại chỉ trọng tâm đầu tư triển khai đối với những nhiệm vụ mang tính bức thiết nhất mà thực tiễn đặt ra. Ngoài ra, khuyến khích các ngành, địa phương, tổ chức xã hội tranh thủ thu hút nguồn lực đầu tư từ các tổ chức phi chính phủ để nhân nhanh các kết quả KH&CN vào sản xuất và đời sống. bên cạnh đó, cần tiếp tục hành lang pháp lý cần thiết để khuyến khích xã hội hoá hoạt động KH&CN thông qua các tổ chức KH&CN ngoài công lập, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn đầu tư KH&CN vào sản xuất, chế biến sâu trong chuỗi cung ứng đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Thứ 5, cần quan tâm chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan thực hiện tốt hơn nữa công tác thông tin KH&CN để các tổ chức, cá nhân dễ dàng tra cứu, từ đó giúp họ có định hướng và chủ động triển khai kế hoạch nhân rộng kết quả KH&CN một cách hiệu quả.

thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, những năm trước đây tỉnh có: Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 20/12/2008 của HĐND tỉnh về "Quy định chính sách thu hút cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Hà Giang"; Nghị quyết số 96/2013/NQ-HĐND ngày 12/7/2013 của HĐND tỉnh về "Quy định một số chính sách thu hút nhân lực và hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Hà Giang" nhưng hai Nghị quyết này hiện nay đã hết hiệu lực thi hành mà chưa có Nghị quyết thay thế để tiếp tục thu hút nguồn lực KH&CN, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao cho tỉnh.

GIẢI PHÁP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, DU LỊCH TỈNH HÀ GIANG

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên thế giới làm thay đổi và có tác động toàn diện đến mọi mặt đời sống xã hội, trong đó các lĩnh vực văn hóa, du lịch không nằm ngoài xu hướng này. Việc đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư được coi là cách “đi tắt đón đầu”, tạo sức bật trong bảo tồn, phát huy và phát triển giá trị văn hóa, hội nhập quốc tế về du lịch. Có thể nói, ngay từ những ngày đầu của sự hội nhập kinh tế quốc tế, nhiều chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã đặt ra vấn đề ứng dụng khoa học, công nghệ là nhiệm vụ quan trọng thích nghi, ứng phó với các thách thức, phù hợp với xu thế phát triển trên thế giới. Tỉnh Hà Giang đã bám sát chỉ đạo của các cấp, đồng thời ứng dụng phù hợp với khả năng của địa phương; triển khai nhiều biện pháp kịp thời trong thời về khoa học và công nghệ trong thời kỳ 4.0 của đất nước.

Hà Giang là tỉnh biên giới địa đầu cực Bắc của Tổ quốc, xuất phát điểm kinh tế thấp, xa các trung tâm kinh tế lớn; nguồn lực đầu tư chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách Trung ương. Sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu giảm nghèo, ổn định đời sống dân cư, tìm hướng đi và cách làm phù hợp, trong đó chủ trương bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch là lĩnh vực được ưu tiên chú trọng. Đến nay diện mạo của Tỉnh đã có nhiều thay đổi. KT-XH từng bước ổn định, các ngành sản xuất chủ yếu có mức tăng trưởng khá. Là tỉnh được đánh giá là địa phương có nhiều tiềm năng về du lịch, giữ vị trí là cầu nối du lịch giữa 2 vùng Đông Bắc và Tây Bắc, là cửa ngõ của thị trường du lịch Vân Nam (Trung Quốc). Cụ thể hóa Chiến lược và Quy hoạch Tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Hà Giang đã xây dựng và thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Hà Giang giai đoạn 2013-2020, tầm nhìn đến 2030, trong đó phát triển du lịch dựa trên nền tảng văn hóa đặc sắc của 19 dân tộc, danh lam thắng cảnh hùng vĩ, tiêu biểu là Công viên địa chất toàn cầu Unesco Cao nguyên đá Đồng Văn, danh thắng quốc gia ruộng bậc thang Hoàng Su Phì, hình thành nên hệ thống sản phẩm du lịch phong phú như: Du lịch văn hóa, tâm linh; Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; du lịch cộng đồng, Du lịch địa chất, du lịch thương mại, du lịch thể thao, mạo hiểm... phân bố đều trên 3 vùng không gian du lịch.

Với mục tiêu phát triển khoa học công nghệ là nhiệm vụ quan trọng góp phần công nghiệp hoá, hiện đại hoá nước nhà, Hà Giang đã ban hành Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Giang lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 ngày 17/10/2020; Nghị quyết số 18 của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVII về chuyên đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó việc nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ tạo nền tảng cho thúc đẩy văn hoá, du lịch là nội dung được hết sức quan tâm.

Về lĩnh vực Văn hoá, triển khai đồng bộ các giải pháp như: Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành các nghị quyết chuyên đề về công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa; nghị quyết về xóa bỏ các hủ tục, phong tục tập quán lạc hậu xây dựng nếp sống văn minh; đề án về bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hoá đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017 – 2020, định hướng đến năm 2030; nhiều đề án, dự án triển khai công tác bảo tồn văn hóa truyền thống, như: đề án Bảo tồn văn hóa truyền thống và nâng cao chất lượng dịch vụ các làng văn hóa du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2025; đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch; đề án Giáo dục kỹ năng sống và văn hóa truyền thống (VHTT) các DTTS cho học sinh phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016-2020... Đồng thời, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền như: Tổ chức biên soạn tin, bài, tiểu phẩm... bằng tiếng nhiều tiếng dân tộc; tập trung tuyên truyền cổ động trực quan (pa nô, áp phích, băng zôn, khẩu hiệu), tuyên truyền lưu động, tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, tuyên truyền miệng tại các buổi sinh hoạt khu dân cư; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố... ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá, đăng tải, giới thiệu đặc trưng văn hóa Hà Giang trên các nền tảng số; triển khai thực hiện tốt việc duy trì áp dụng cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ đối với lĩnh vực văn hóa, du lịch. Thường xuyên, rà soát chỉnh sửa, bổ sung kịp thời các quy trình giải quyết công việc, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn. Thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Về lĩnh vực Du lịch đang tiếp tục triển khai linh hoạt, đồng bộ các giải pháp ứng phó kịp thời để phát triển du lịch trong bối cảnh mới, trong đó ứng dụng truyền thông số trong quảng bá là một trong những giải pháp được ưu tiên tập trung nguồn lực thực hiện: Ngày 23 tháng 8 năm 2018 đã ban hành Kế hoạch phối hợp số 67/KHPHVHTTDL-STTTT-VNPT giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Thông tin và Truyền thông; và Viễn thông Hà Giang, về việc phối hợp triển khai hệ thống phần mềm Cổng thông tin du lịch và Ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động, bao gồm: Cổng thông tin du lịch (Tên miền chính thức): myhagiang.vn; Trang quản trị (Đường dẫn chính thức): myhagiang.vn/admin; Ứng dụng du lịch thông minh (iOS và Android): Ha Giang Tourism. Tiếp theo đó, ngày 01/4/2020 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin Truyền thông, Viễn thông Hà Giang và Công ty cổ phần Bellsystem24-Hoa Sao ký kết Thỏa thuận về việc Hợp tác triển khai thí điểm kế hoạch truyền thông du lịch. Theo đó, BellHoa Sao tiếp nhận quản lý hoạt động truyền thông trên Cổng thông tin du lịch và Ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Hà Giang, đồng thời phát triển thêm kênh tiếp cận khách du lịch mới trên Instagram sử dụng tên gọi “Check in Hà Giang”. Tổng đài CSKH đa kênh tỉnh Hà Giang với bộ nhận diện các kênh tương tác mới đã hoạt động gồm: Thoại qua đầu số hotline 19001046; Mạng xã hội: Fanpage Facebook và Instagram Check in Hà Giang; Cổng thông tin du lịch myhagiang.vn và Ứng dụng du lịch thông minh Ha Giang Tourism; Email: checkinhagiang.cskh@gmail.com.

Từ những nỗ lực trên, đã mang lại hiệu quả tích cực trong quảng bá văn hóa, du lịch, tạo môi trường kết hạn chế là do ảnh hưởng của dịch Covid 19 khiến nhu cầu đi du lịch giảm nôi, tương tác giữa đơn vị kinh doanh, cung ứng dịch vụ du lịch như: điểm đến, các dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải... cho du khách, xây dựng hình ảnh Hà Giang đổi mới, năng động. Bên cạnh kết quả đạt được, việc nghiên cứu ứng dụng thực trạng khoa học công nghệ trong phát triển văn hoá, du lịch vẫn còn nhiều hạn chế, hiệu quả chưa cao, công tác quản lý, vận hành khai thác các nền tảng công nghệ số còn bất cập, thiếu cơ sở vật chất, kinh phí đầu tư. Nguyên nhân của những, nhu cầu khai thác thông tin thấp; Ngoài ra công tác tuyên truyền, quảng bá cung ứng dịch vụ du lịch hạn chế, chưa xây dựng được mối liên kết giữa cơ quan quản lý - doanh nghiệp và du khách.

Để phát huy hiệu quả của công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ vào lĩnh vực văn hoá, du lịch, đồng thời hạn chế những bất cập nêu trên, cần tập trung các giải pháp thực hiện như sau:

1. Định hướng giải pháp Khoa học & Công nghệ phục vụ phát triển văn hoá du lịch tỉnh Hà Giang

Thứ nhất, đề xuất nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ cần tiếp tục hướng tới phát triển du lịch bền vững, du lịch trách nhiệm, tăng trưởng xanh trong du lịch gắn với các xu hướng mới như quản lý phát triển du lịch thông minh, ứng dụng công nghệ số trong mô hình quản lý và kinh doanh du lịch, xác định các phân khúc thị trường mục tiêu phù hợp với các dòng sản phẩm đặc trưng của tỉnh, sử dụng hiệu quả tài nguyên công nghệ, các giải pháp phát triển du lịch thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên môi trường và hội nhập khu vực cũng như quốc tế.

Thứ hai, công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ cần gắn với đổi mới hệ sinh thái của Ngành nhằm gia tăng khả năng thích ứng với những thay đổi trong thời gian tới. Đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu gắn liền với khả năng ứng dụng, triển khai thực tế phục vụ cho việc cơ cấu lại ngành Văn hoá, Du lịch, cũng như tạo ra môi trường du lịch thân thiện, sáng tạo, bền vững và linh hoạt.

Thứ ba, xây dựng mạng lưới khoa học công nghệ du lịch rộng khắp, kết nối nhà quản lý - doanh nghiệp cung cấp dịch vụ - người đi du lịch, kết nối doanh nghiệp - doanh nghiệp; doanh nghiệp - người dân - du khách, tận dụng được nhiều ý tưởng và ý kiến cho phát triển Ngành.

Thứ tư, xã hội hóa công tác triển khai khoa học gắn với công nghệ thực tiễn du lịch nhằm tạo ra hiệu quả cao hơn và đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình triển khai.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phục vụ phát triển văn hoá, du lịch; tạo điều kiện cho việc trao đổi kinh nghiệm, trao đổi chuyên gia, chia sẻ học thuật trong lĩnh vực văn hoá, du lịch; đảm bảo hợp tác hiệu quả và phù hợp với yêu cầu chung trong quá trình phát triển của Ngành.

Thứ sáu, chú trọng cơ sở vật chất, thu hút nguồn nhân lực tạo ra môi trường làm việc tốt cho nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ. tạo động lực phục vụ phát triển văn hoá, du lịch.

Thứ bảy, ưu tiên bố trí nguồn kinh phí cho hoạt động Khoa học & Công nghệ phục vụ phát triển văn hoá, du lịch tỉnh Hà Giang; Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhằm ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn phát triển văn hoá, du lịch một cách hiệu quả.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục triển khai thực hiện và nâng cao chất lượng các đề án, dự án bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch, duy trì và khơi dậy niềm tự hào dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh ở cơ sở. Phát huy giá trị di sản văn hóa, nâng cao chất lượng các làng văn hoá du lịch tiêu biểu tạo thành các sản phẩm du lịch đặc trưng, có sức cạnh tranh cao;

- Triển khai các giải pháp kỹ thuật nhằm tu bổ, tôn tạo, phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh nhất là các công trình đang có nguy cơ bị xuống cấp, bảo tồn kiến trúc truyền thống, làng nghề thủ công truyền thống;

- Tiếp tục triển khai Thỏa thuận hợp tác phát triển du lịch tỉnh Hà Giang thông qua chuyển đổi số và Du lịch thông minh giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang, Tổng cục Du lịch Việt Nam và Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Mobiphone đã ký kết, trong đó đẩy mạnh ứng dụng giải pháp công nghệ mới để quảng bá sản phẩm và kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực du lịch; Xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch trên nền tảng số nhằm cung cấp thông tin đầy đủ phục vụ cho công tác quảng bá, xúc tiến du lịch và đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin du lịch của các doanh nghiệp và du khách.

- Đổi mới hình thức, nội dung, xây dựng clip quảng bá du lịch quảng bá trên các trang web, mạng xã hội youdube, tiktok.... Tổ chức thường niên các lễ hội, sự kiện... Tích cực tham gia quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng Trung ương và các địa phương, thông qua các chương trình như bản tin, phóng sự tài liệu, game show truyền hình...;

-Tiếp tục triển khai thí điểm Cổng thông tin du lịch, Ứng dụng du lịch thông minh và tổng đài chăm sóc khách hàng đa kênh về du lịch: Thoại qua đầu số hotline 19001046; Mạng xã hội: Fanpage Facebook và Instagram Check in Hà Giang; Cổng thông tin du lịch và Ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Hà Giang; Email checkinhagiang.cskh@gmail.com.

Với những giải pháp khắc phục như trên, tin tưởng rằng sự nghiệp văn hóa, du lịch Hà Giang sẽ tạo bước đột phá mới, hội nhập kịp thời, thu hút ngày càng nhiều du khách, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến Hà Giang trong thời gian tới./.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA TỈNH HÀ GIANG

Sở Công thương Hà Giang

Trong những năm qua, hoạt động KHCN của Ngành Công thương tỉnh Hà Giang luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của UBND tỉnh và sự quan tâm hướng dẫn về chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Giang. Do vậy hoạt động KHCN trong lĩnh vực Công Thương có bước chuyển biến mới với những kết quả đáng ghi nhận. Sở Công Thương đã thành lập và thường xuyên kiện toàn Hội đồng Khoa học và Công nghệ do đồng chí Giám đốc Sở là Chủ tịch hội đồng, các đồng chí Trưởng, Phó các phòng ban chuyên môn là thành viên. Hoạt động KHCN của sở do phòng QLCN là bộ phận tham mưu cho Sở và chủ yếu là ứng dụng trong lĩnh vực sản xuất Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

- Việc triển khai ứng dụng KHCN vào sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh từng bước phát triển. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được quan tâm. Hội đồng Khoa học và Công nghệ được củng cố, kiện toàn từng bước đi vào hoạt động đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Chất lượng các hoạt động KHCN từng bước được nâng lên, các thành viên Hội đồng Khoa học và Công nghệ của sở là những người có kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Việc tiếp cận và ứng dụng tiến bộ KHCN vào hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn mang lại hiệu quả cao, tăng năng suất, nâng cao chất lượng, cải thiện môi trường sinh thái, cụ thể như sau: Giai đoạn 2011-2020, Tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) ngành Công nghiệp - Xây dựng của Hà Giang tăng trưởng bình quân khoảng 9,8%/năm, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 tăng trưởng bình quân 10,87%/năm và giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8,74%/năm. Giai đoạn 2011 - 2020, ngành công nghiệp và xây dựng đóng góp trung bình 1,41 điểm % vào tăng trưởng chung 6,00% của nền kinh tế tỉnh.

- Các doanh nghiệp, HTX trên địa bàn trong lĩnh vực công nghiệp thường xuyên nghiên cứu, đầu tư trang thiết bị máy móc, công nghệ thông tin vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm. cụ thể như sau: Chế biến khoáng sản (*công nghệ chế biến sâu khoáng sản như luyện Angtimon, sản xuất Fermangan, Silicomangan, chì thời, chì kim loại, Mangan*); Chế biến dược liệu (*Khu chế xuất dược liệu Bông Sen Vàng*), chế biến nông lâm sản (*Nhà máy ván ép Khu công nghiệp Bình Vàng, nhà máy ván ép cụm công nghiệp Nam Quang, nhà máy chế biến chè Tân Lập...*) góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giá trị sản phẩm, tiết kiệm tài nguyên và hạn chế những tác động, ảnh hưởng đến môi trường.

- Hàng năm, Sở chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và xúc tiến công thương tiến hành khảo sát xây dựng các Kế hoạch, Chương trình, Đề án hỗ trợ từ nguồn kinh phí Khuyến công nhằm hỗ trợ các Doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh thay thế, đổi mới dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại, tự động hóa. Trong các lĩnh vực chế biến chè, chế biến gỗ, sản xuất gạch không nung, chế biến cam...Thực hiện việc hỗ trợ đăng ký nhãn hiệu, sở hữu trí tuệ cho các đơn vị đối với một số sản phẩm đặc trưng của địa phương như: Sản phẩm chè, mật ong, gạo, qua đó người dân đã nắm

được nhiều thông tin cũng như kiến thức để phân biệt các sản phẩm hàng hóa. Phối hợp với Sở Văn hóa thể thao và Du lịch trung bày, quảng bá các sản phẩm của địa phương tại các cuộc triển lãm, hội chợ xúc tiến thương mại.

- Sở Công Thương chỉ đạo cơ phòng, đơn vị thuộc sở thường xuyên phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hàng hóa trên địa. Thực hiện giải quyết Thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông được duy trì áp dụng tại Bộ phận Một cửa của tỉnh. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã xây dựng, ban hành và thực hiện Quy định của tỉnh. Tích hợp các dịch vụ công mức độ 4 tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính qua môi trường mạng. Phối hợp với Bưu điện thực hiện gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và trả kết quả giải quyết thông qua dịch vụ bưu chính.

- Hàng năm, Sở cử cán bộ lãnh đạo, chuyên viên phụ trách lĩnh vực KH&CN tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về công tác quản lý KH&CN do Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh tổ chức nhằm nâng cao kiến thức, kinh nghiệm vào công tác quản lý KH&CN. Trong giai đoạn 2012-2022, các phòng chuyên môn đã tích cực tham mưu cho sở tổ chức triển khai thực hiện tốt phong trào thi đua, khen thưởng gắn với phong trào phát huy sáng kiến kinh nghiệm. Trong đó nhiều sáng kiến đã được áp dụng và mang lại hiệu quả thiết thực cho các đơn vị, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong công việc. Hàng năm Hội đồng sáng kiến của sở đã công nhận và cấp giấy chứng nhận công nhận sáng kiến kinh nghiệm cho cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

2. Đánh giá chung

2.1. Ưu điểm

Hoạt động khoa học và công nghệ trong những năm qua đã được sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự hưởng ứng nhiệt tình của các đơn vị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, với nhiều hoạt động hiệu quả góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Với định hướng gắn KH&CN vào phát triển công nghiệp, tiến hành áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Do đó tiềm lực KH&CN trong lĩnh vực công thương từng bước được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp.

2.2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

- KH&CN trong lĩnh vực công nghiệp còn đang ở trình độ trung bình thấp, chưa thể hiện rõ nét là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hội đồng Khoa học và Công nghệ của Sở chưa thật sự phát huy được hiệu quả quản lý. Do nguồn ngân sách sở còn hạn hẹp nên chưa bố trí được nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ.

- Sản xuất công nghiệp đang là lĩnh vực triển khai trọng điểm về ứng dụng KH&CN vào sản xuất, tuy nhiên do sản xuất còn phân tán nhỏ lẻ, nguồn vốn đầu tư còn thấp, doanh nghiệp còn mang nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại; cơ chế quản lý còn chậm

đổi mới nên ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả chuyển giao.

- Nguồn lực đầu tư cho KHCN là rất lớn, tuy nhiên trên địa bàn hầu hết là các doanh nghiệp nhỏ nên vẫn chưa coi trọng và chưa đủ năng lực để đầu tư cho KHCN. Nhiều hoạt động thuộc chương trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai chưa đạt theo kế hoạch, hoạt động chuyển giao công nghệ ở doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

- Hợp tác quốc tế về KHCN tuy đã có, nhưng quy mô và hiệu quả chưa thật sự phát huy hết tiềm năng sẵn có của địa phương.

3. Bài học kinh nghiệm

Một là, Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp triển khai công tác KHCN; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin, các tiến bộ KHCN đến các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, làm cho doanh nghiệp thấy rõ hiệu quả của việc ứng dụng KHCN vào trong sản xuất công nghiệp và đời sống.

Hai là, Trong phát triển KHCN cần có tính mới, đột phá và có khả năng ứng dụng và thực hiện cao. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ KHCN, khi xây dựng dự án phải chọn đúng nội dung cần chuyển giao để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Phải có sự phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai thực hiện để tăng hiệu quả mà dự án đạt được theo đúng thực tế.

Ba là, Hội đồng KHCN tăng cường hiệu quả hoạt động, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp tìm hiểu, tham gia ứng dụng KHCN. Chú trọng công tác tuyển dụng, bồi dưỡng nhân tài, có kế hoạch, định hướng lâu dài về phát triển KHCN.

4. Kiến nghị, đề xuất

4.1. Đối với UBND tỉnh

- Ưu tiên nguồn kinh phí đầu tư xây dựng ứng dụng tiến bộ KHCN vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh.

- Tăng cường mở lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, cung cấp thông tin, mở rộng, phát triển các mô hình ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn sản xuất và đời sống đem lại hiệu quả kinh tế cao.

- Đưa vào chương trình đặt hàng nhiệm vụ khoa học & công nghệ hàng năm đối với “Đề tài ứng dụng khoa học công nghệ chế biến các sản phẩm thế mạnh của Hà Giang: Cam, chè, gỗ...”.

4.2. Đối với Sở Khoa học và Công nghệ

- Hướng dẫn các sở thành lập và củng cố về tổ chức về hoạt động của Hội đồng Khoa học và Công nghệ.

- Hướng dẫn các ngành xây dựng kế hoạch áp dụng KHCN hàng năm và 5 năm.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ về KHCN cho các sở ngành.

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VỚI PHÁT TRIỂN THẢO QUẢ TẠO SINH KẾ CHO NGƯỜI DÂN

Đảng bộ huyện Vị Xuyên

Thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 31/10/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Trong những năm qua, cấp ủy huyện đã quan tâm chỉ đạo tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết 20. Giao UBND huyện chỉ đạo các ngành chuyên môn tích cực triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết, có nhiều mô hình áp dụng khoa học và công nghệ phục vụ việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện, triển khai thực hiện nhiều chính sách về khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành quyết định về thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện kế hoạch đột phá về ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất giai đoạn 2016 - 2020; Ủy ban nhân dân huyện tham mưu cấp ủy xây dựng ban hành các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn theo từng giai đoạn.

Qua 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết, hoạt động ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ đã có bước phát triển mạnh; hoạt động đã hướng về cơ sở, nhất là các xã trọng tâm, trọng điểm về sản xuất nông nghiệp và phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của toàn huyện; hoạt động đã đóng góp ngày càng rõ nét vào việc nâng cao năng suất, chất lượng một số cây trồng, vật nuôi và sản phẩm hàng hoá chủ yếu, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá như: Sản xuất lương thực tiếp tục được quan tâm, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất đã góp phần tăng năng suất sản lượng cây trồng một cách rõ nét; tổng sản lượng lương thực có hạt đến năm 2021 là 57.626,2 tấn, tăng 17.371,9 tấn so với năm 2012; tổng diện tích cây ăn quả 1.090,9 ha, sản lượng quả tươi đạt trên 6.000 tấn/năm; tổng diện tích cây chè đến hết năm 2021 là 3.709,2 ha, sản lượng đạt 14.268,4 tấn, giá trị thu nhập búp tươi đạt 35 - 40 triệu đồng/ha. Đặc biệt huyện chú trọng phát triển diện tích cây dược liệu, áp dụng khoa học công nghệ về phát triển cây thảo quả tạo sinh kế cho người dân, đến nay diện tích cây dược liệu trên toàn huyện là 2.842,5 ha, trong đó chủ yếu là diện tích thảo quả: 2.802,3 ha.

Trong những năm qua, huyện Vị Xuyên xác định phát triển cây dược liệu là chủ trương, định hướng lớn của huyện và tỉnh, là nhiệm vụ quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển rừng, gia tăng giá trị từ rừng, tạo sinh kế cho người dân có thu nhập từ rừng, với điều kiện thuận lợi được thiên nhiên ưu đãi trong những năm qua huyện

đã duy trì, bảo tồn và phát triển lợi thế cây dược liệu trên địa bàn, trong đó trọng tâm thực hiện hiệu quả đề án phát triển mở rộng diện tích trồng cây thảo quả. Đến nay diện tích cây thảo quả là 2.802,3 ha thực hiện trồng tại 9 xã vùng cao (Thượng Sơn, Quảng Ngần, Cao Bồ, Phương Tiến, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Kim Linh). Huyện đã khuyến khích, tạo điều kiện cho người dân sản xuất; tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp; nhiều chính sách hỗ trợ của các cấp được triển khai phù hợp thực tế cho người dân phát triển mở rộng diện tích thảo quả như: Nguồn vốn chương trình 135 hỗ trợ thực hiện trồng dặm 167 ha cây thảo quả, với tổng số vốn 334 triệu đồng; hỗ trợ đào tạo nghề cho nông dân với số tiền 216 triệu đồng; hỗ trợ xúc tiến thương mại xây dựng thương hiệu sản phẩm thảo quả với tổng số nguồn vốn là 35 triệu đồng; hỗ trợ chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (CPRP) huyện Vị Xuyên đã phối hợp với Trung tâm Quy hoạch và phát triển nông thôn I cấp chứng nhận Chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm thảo quả huyện Vị Xuyên nói riêng và tỉnh Hà Giang nói chung; thu hút một số doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển dược liệu trên địa bàn, như công ty CP Phát triển NLN và Môi trường Việt Nam, Công ty Cổ phần phát triển Á châu, công ty Dược liệu xanh Hà Nội... tham gia phát triển dược liệu trên địa bàn.

Đến nay, trên địa bàn huyện đã hình thành các vùng sản xuất thảo quả với 2.802,3 ha tập chung các xã vùng cao, có thu nhập bình quân của các hộ trồng thảo quả đạt 25 - 40 triệu đồng/năm, tổng giá trị thu nhập từ thảo quả đạt 30 - 40 tỷ đồng, giá trị sản phẩm trên đơn vị canh tác ứng dụng công nghệ cao bình quân cao hơn 30% so với canh tác truyền thống, đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích, giải quyết, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập tạo sinh kế cho người dân các xã vùng cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW còn có những hạn chế như: Việc triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả sau nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống còn hạn chế.

Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn huyện còn ít, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước. Tiềm lực khoa học và công nghệ của huyện hạn chế cả về số lượng và chất lượng. Do đó việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh chưa nhiều và chưa có mô hình sản xuất với quy mô lớn.

Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của tỉnh, huyện về trồng cây dược liệu theo quy trình kỹ thuật còn gặp nhiều khó khăn, nhận thức của một bộ phận người dân còn hạn chế, còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước.

Chưa có nhiều doanh nghiệp và các hộ dân đầu tư phát triển diện tích cây dược

liệu trên địa bàn nên chưa tạo được phong trào sâu rộng. Các hộ trồng đa số canh tác theo kinh nghiệm, việc kết hợp với quản lý bảo vệ rừng còn hạn chế....

Để tiếp tục thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Phát triển khoa học và công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế” đạt hiệu quả, huyện Vị Xuyên đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới, đó là:

Một là, Các cấp ủy đảng phải thật sự quan tâm, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp triển khai công tác khoa học công nghệ ở địa phương; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin, các tiến bộ khoa học công nghệ đến các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh và nhân dân, làm cho nhân dân và doanh nghiệp thấy rõ hiệu quả của việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống.

Hai là, Trong phát triển khoa học công nghệ cần có những đột phá mới và có khả năng ứng dụng vào thực tiễn cao hơn; các cấp, các ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân về nghiên cứu ứng dụng, nhân rộng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp với nội dung thiết thực, phù hợp .

Ba là, Tăng cường sự phối hợp của các cấp, các ngành trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao, nhân rộng công nghệ vào sản xuất và đời sống; có chính sách động viên, khuyến khích trong việc đào tạo, thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ; tập huấn, nâng cao kiến thức và khả năng tiếp nhận kết quả tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân; giới thiệu các tiến bộ khoa học công nghệ, các mô hình sản xuất, các giống cây trồng, vật nuôi khi đưa vào sản xuất thực tế mang lại hiệu quả.

Bốn là, Tập trung nguồn lực xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ trong sản xuất và đời sống. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tuyên truyền phổ biến pháp luật.

Năm là, Đối với phát triển dược liệu nói chung và cây thảo quả nói riêng, phải gắn với bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng bền vững; khoanh vùng quy hoạch rõ vùng trồng, xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng năm về diện tích, sản lượng..., xây dựng kế hoạch tổ chức cho các địa phương có diện tích trồng cây dược liệu tạo phong trào sâu rộng để các hộ tham gia gây dựng và phát triển sản xuất, phát triển tạo sinh kế làm giàu cho gia đình và địa phương.

Sáu là, trong thời gian tới chủ trương của huyện Vị Xuyên tiếp tục duy trì và phát triển các loại cây dược liệu như quế, thảo quả, sa nhân, gừng, nghệ, lá khô... ổn định diện tích ở quy mô 5000 ha.
